

UBND TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Tên đề tài:

**THIẾT KẾ WEBSITE QUẢN LÝ THÔNG TIN
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ**

Sinh viên thực hiện

THÁI THỊ PHƯƠNG

MSSV: 2112011017

CHUYÊN NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHÓA 2012 – 2016

Cán bộ hướng dẫn

ThS. TRẦN THỊ DIỆU LINH

MSCB:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG NAM
TRUNG TÂM HỌC LIỆU
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Quảng Nam, tháng 05 năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian từ khi bắt đầu học tập tại trường đến nay, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ của quý Thầy Cô, gia đình và bạn bè. Với lòng biết ơn sâu sắc nhất, em xin gửi đến quý Thầy Cô Khoa Công Nghệ Thông Tin - Trường đại học Quảng Nam đã dùng tâm huyết của mình để truyền đạt vốn kiến thức quý báu cho em trong suốt thời gian học tập tại trường. Và đặc biệt trong học kỳ này, Nếu không có những lời hướng dẫn, dạy bảo của cô giáo Th.S Trần Thị Diệu Linh thì em nghĩ bài thu hoạch này của em rất khó có thể hoàn thiện được. Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ hết sức nhiệt tình của cô.

Trong quá trình thực tập, cũng như là trong quá trình làm bài báo cáo thực tập, luận văn khóa luận, khó tránh khỏi sai sót, rất mong các Thầy, Cô bỏ qua. Đồng thời do trình độ lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế nên bài báo cáo không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp Thầy, Cô để em học thêm được nhiều kinh nghiệm để sau khi ra trường em có thể tự tin hơn trong con đường tìm kiếm việc làm của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Quảng Nam, tháng 5 năm 2016

Sinh viên thực hiện

Thái Thị Phương

MỤC LỤC

PHẦN 1. MỞ ĐẦU.....	1
1.1. Lý do chọn đề tài.....	1
1.2. Mục tiêu của đề tài	2
1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
1.4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
1.5. Lịch sử nghiên cứu :.....	3
1.6. Đóng góp của đề tài:	4
1.7. Cấu trúc đề tài:	4
PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	5
1.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH	5
1.1.1. Ngôn ngữ html	5
1.1.1.1. Định nghĩa về html:.....	5
1.1.1.1. HTML5 là gì?.....	6
1.1.1.2. Những phần tử mới của HTML5.....	8
1.1.1.3. Lợi ích mà HTML5 đem lại	9
1.1.2. CSS là gì:.....	10
1.1.2.1. Giới thiệu CSS.....	10
1.1.2.2. Giới thiệu về CSS3	10
1.1.2.3. Những ưu điểm của việc sử dụng CSS3.....	12
1.1.3. Javascript.....	13
1.1.3.1. Giới thiệu về Javascript.....	13
1.1.3.2. Cách nhúng Javascript vào trong tập tin HTML.....	14
1.1.4. Giới thiệu ngôn ngữ lập trình PHP :	14
1.1.4.1. Các đặc điểm của ngôn ngữ PHP :.....	15
1.1.4.2. Hoạt động của PHP:	16
1.1.4.3. Các loại thẻ PHP:	16
1.1.4.4. Các kiểu dữ liệu :	17

1.1.5. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL:.....	18
1.1.5.1 Giới thiệu về cơ sở dữ liệu:.....	18
1.1.5.2 Mục đích sử dụng cơ sở dữ liệu :.....	18
1.1.5.3 Các thao tác cập nhật dữ liệu cơ sở dữ liệu:	19
1.2. CÔNG CỤ HỖ TRỢ	21
1.2.1. Công cụ giả lập Xampp.....	21
1.2.1.1. Xampp	21
1.2.1.2. Các khái niệm trong Xampp	22
1.3. Công cụ thiết kế và lập trình:	25
1.3.1. Phần mềm DreamWeaver:	25
1.3.2. Photoshop:.....	27
CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG THỰC TẾ.....	28
VÀ PHÂN TÍCH THIẾT KẾ WEBSITE	28
2.1 GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ	28
2.2. KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG	28
2.2.1 Khảo sát hiện trạng thực tế:	28
2.2.2 Yêu cầu chức năng của hệ thống mới:	28
2.2.3 Yêu cầu phi chức năng của hệ thống mới:	29
2.2.4 Sơ đồ thiết kế web.....	30
2.3 ĐỊNH CÁC YÊU CẦU.....	31
2.3.1 Các tác nhân của hệ thống gồm có:.....	31
2.3.2 Biểu đồ UC:	33
2.3.3 Đặt tả UC:	34
2.3.1.2 Biểu đồ lớp:.....	46
2.4 MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU	47
2.4.1 Mô hình Cơ sở dữ liệu chính.....	47
2.4.2. Một số bảng cơ sở dữ liệu tiêu biểu	47
CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ GIAO DIỆN VÀ CHƯƠNG TRÌNH DEMO CHO WEBSITE.....	52
3.1. GIAO DIỆN CỦA WEBSITE	52

3.1.1. Trang chủ:	52
3.1.2. Trang thư viện:	54
3.1.3. Trang hình ảnh:	55
3.1.4. Trang liên hệ:	56
3.1.7. Trang xem danh sách lớp	59
3.1.9. Trang chủ admin quản lý.....	61
3.1.10. Trang quản lý học sinh.....	63
3.1.11. Trang thêm danh sách học sinh:.....	64
3.1.13. Trang quản lí điểm	66
3.1.14. Trang sửa điểm.....	67
3.1.16. Trang quản lí tin tức	68
3.1.17. Trang sửa bảng tin:.....	69
3.1.18. Trang đọc liên hệ của người dùng.....	70
3.2 HƯỚNG DẪN QUẢN TRỊ WEBSITE	70
3.2.1 . Sự cần thiết Quản trị nội dung:	70
3.2.2 Hướng dẫn quản trị	71
PHẦN 3: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	72
3.1. KẾT LUẬN	72
3.1.1 Một số vấn đề đạt được:.....	72
3.1.2 Nhược điểm của hệ thống:	72
3.1.2 Hướng phát triển	72
3.2 KIẾN NGHỊ	73

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1. Lý do chọn đề tài

Đất nước ta đang bước sang một giai đoạn mới đó là giai đoạn tăng tốc nền kinh tế, đưa nền kinh tế đất nước phát triển đuổi kịp các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Một nhân tố đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình đổi mới đất nước là ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào công tác quản lý. Ngày nay nền khoa học thế giới đang trải qua những bước biến đổi sâu sắc. Cuộc cách mạng tự động hóa và tin học hóa đang làm thay đổi mọi hoạt động của con người.

Hệ thống thông tin đang phát triển với quy mô rộng và chất lượng ngày càng cao. Tin học phát triển thì những ứng dụng của nó được mở rộng ở mức cao hơn, tối ưu hơn và hiện đại hơn. Nó giúp con người làm việc, học tập, vui chơi và giải trí... Công nghệ thông tin được sử dụng rất nhiều vào các ngành khoa học và kỹ thuật. Một trong những ứng dụng của nó là việc áp dụng vào công tác quản lý các hoạt động đời sống kinh tế xã hội. Thông tin được biểu diễn, lưu trữ dưới dạng thuật toán và chương trình trên một hệ cơ sở dữ liệu đã giúp quản lý đáng kể các công việc liên quan đến công tác quản lý.

Do nhu cầu phát triển đất nước, GD & ĐT của nước ta hiện nay không đơn thuần là phúc lợi xã hội mà đã trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, được Đảng và nhà nước coi là quốc sách hàng đầu. Để đảm bảo chất lượng giáo dục mỗi nhà trường phải tổ chức một cơ cấu làm việc nghiêm túc, hiệu quả, ổn định. Và công tác quản lý điểm cũng không nằm ngoài yêu cầu đó. Việc quản lý điểm bảo đảm chính xác, an toàn sẽ góp phần đảm bảo quyền lợi của học sinh và công bằng trong học tập, việc tin học hóa công tác quản lý điểm góp phần đáng kể thực hiện mục tiêu đó.

Hiện nay ngành giáo dục đã có nhiều cải cách, thay đổi trong việc xét tuyển ở các lớp cuối cấp, chỉ tiêu đạt tốt nghiệp sẽ dựa trên điểm của cả 3 năm học. Điều này sẽ giúp đánh giá chính xác năng lực của học sinh đồng thời cũng đặt ra vấn đề làm thế nào để điểm số được lưu trữ một cách tốt nhất, mang lại hiệu quả cao cũng như thuận tiện cho các thầy cô giáo trong việc quản lý điểm

của học sinh. Vấn đề nói trên được giải quyết thông qua việc phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, là một lĩnh vực quan trọng của ngành công nghệ thông tin- một ngành đang phát triển mạnh mẽ và có tác động rất lớn đến đời sống của chúng ta. Hiện tại tất cả các trường phổ thông trên cả nước đều có Website riêng của mình. Sự cần thiết của một Website trong việc đào tạo, tuyển sinh, cũng như công tác khác ngày càng được khẳng định.

Xuất phát từ những yêu cầu thực tế đó và qua quá trình học tập với mong muốn được áp dụng kiến thức đã được học trong nhà trường để giải quyết phần nào trong công việc của hệ thống quản lý điểm của trường THPT Trần Văn Dư. Trong bài báo cáo này em xin trình bày về website quản lý điểm. Dự án này được xây dựng trên mô hình quản lý điểm của trường THPT. Nó có ý nghĩa thực tế rất lớn, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của việc cập nhật, lưu trữ và thống kê điểm của giáo viên nhà trường.

Do điều kiện và thời gian có hạn và khả năng còn hạn chế nên bài viết của em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của quý thầy cô và các bạn cho em những lời khuyên và những kinh nghiệm quý báu để em phần nào có được vốn kiến thức nâng cao trình độ cho công việc sau này khi đi làm thực tế.

1.2. Mục tiêu của đề tài

Xây dựng được một website: Quản lý môn học, quản lý lớp học, quản lý giáo viên, quản lý học sinh, quản lý điểm theo lớp, quản lý tin tức và hoạt động hình ảnh của nhà trường, quản lý sách trong thư viện.

- Cập nhật thông tin và điểm của học sinh một cách nhanh chóng, linh hoạt. Xử lý thông tin một cách khoa học: Chỉnh sửa, xóa, thêm mới, tìm kiếm học sinh.

- Quản lý điểm, tìm kiếm thông tin cũng như tra cứu và tổng kết điểm một cách chính xác, kịp thời, hiệu quả: điểm từng môn, điểm trung bình cả năm, học kì.

- Cập nhật thông tin giáo viên: Xử lý thông tin một cách khoa học: Xem, xóa, sửa, tìm kiếm theo từng tổ bộ môn và theo tên giáo viên.

- Cập nhật, xem, xóa, sửa hình ảnh tin tức và danh sách sách có trong thư viện một cách nhanh chóng.

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: Quản lý điểm, quản lý môn học, quản lý giáo viên, quản lý lớp học, quản lý học sinh, quản lý tin tức, quản lý hình ảnh, quản lý thư viện
- Phạm vi nghiên cứu: Quản lý điểm trường THPT Trần Văn Dư

1.4. Phương pháp nghiên cứu

- Đầu tiên bản thân em sẽ quan sát thật kỹ, tìm hiểu thật chi tiết mọi quy trình xử lý của phòng quản lý học sinh trong công tác quản lý để hiểu được cách thức hoạt động của hệ thống mà nhà trường đang sử dụng. Từ những vấn đề em đã khảo sát được ở nhà trường, em sẽ phân tích thiết kế cụ thể từng chức năng trong công tác quản lý của phòng học sinh, thu thập các tài liệu liên quan và các quy trình xử lý của hệ thống hiện tại.

- Tìm hiểu Cơ sở dữ liệu Mysql, ngôn ngữ lập trình PHP và công cụ hỗ trợ CS6.

- Phân tích chức năng của bài toán
- Thiết kế cơ sở dữ liệu
- Thiết kế giao diện người dùng
- Viết chương trình
- Triển khai và đánh giá

1.5. Lịch sử nghiên cứu :

Công nghệ thông tin đã mở ra triển vọng lớn trong việc đổi mới phương pháp quản lý điểm trong nhà trường. Đây là vấn đề của nhiều cuộc thảo luận trong các hội thảo, với nhiều công trình nghiên cứu:” Đề xuất giải pháp và đánh giá chất lượng đối với học sinh phổ thông Việt Nam”- Th.S Hồ Sỹ Anh, Viện nghiên cứu Giáo dục- Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với nhiều đề tài quản lý điểm được nhiều người nghiên cứu trên mạng internet. Cùng như thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin năm học 2014-2015 Căn cứ Công văn số 1291/SGDĐT-CNTT ngày 24/9/2014 của Sở GD&ĐT về việc Hướng dẫn nhiệm vụ CNTT năm học 2014- 2015 nhằm đẩy mạnh việc đổi mới

phương pháp dạy và học, đổi mới phương thức quản lý, điều hành hệ thống giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị CNTT; nâng cao trình độ, kỹ năng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Giới thiệu các sản phẩm, giải pháp CNTT tiêu biểu đã ứng dụng thành công trong quản lý và giảng dạy, tạo môi trường và cơ hội giao lưu, chia sẻ, học tập kinh nghiệm, tiếp cận công nghệ mới về ứng dụng CNTT trong CBGV nhà trường.

Tuy nhiên những bài viết và nghiên cứu còn chung chung chưa phù hợp với điều kiện và nhu cầu của từng trường THPT, là sinh viên gần tốt nghiệp tôi mạnh dạn chọn đề tài: “Thiết kế website quản lý điểm trường THPT Trần Văn Dư”.

1.6. Đóng góp của đề tài:

Đề tài hoàn thành có những đóng góp sau:

- Hệ thống có giao diện quen thuộc dễ sử dụng thông tin lưu trữ được tối ưu.
- Các chức năng sát với yêu cầu thực tế và đáp ứng được những đòi hỏi của hệ thống quản lý điểm, gần gũi thực tế và phù hợp với công tác quản lý của nhà trường.
- Có khả năng hỗ trợ đa người dùng, phù hợp với xu thế phát triển của mạng máy tính. Giúp cho các em học sinh nắm bắt tin tức và hoạt động của nhà trường một cách nhanh chóng và kịp thời đỡ mất thời gian khi hỏi ban quản lý nhà trường.
- Website này sẽ giúp việc quản lý học sinh dễ dàng hơn, hỗ trợ các chức năng thông dụng mà nhiệm vụ của nhà trường hay làm và hỗ trợ việc lưu trữ dữ liệu điểm, thuận tiện cho việc tính điểm của học sinh, đỡ mất thời gian của thầy cô giáo.

1.7. Cấu trúc đề tài:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, đề tài được kết cấu làm 3 chương:

Chương I: Cơ sở lý thuyết.

Chương II: Khảo sát hiện trạng thực tế và phân tích thiết kế website.

Chương III: Thiết kế giao diện và viết chương trình demo.

PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1. GIỚI THIỆU VỀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH

1.1.1. Ngôn ngữ html

1.1.1.1. Định nghĩa về html:

HTML là một đánh dấu ngôn ngữ cho việc mô tả các tài liệu web (trang web).

- HTML là viết tắt của **Hyper Text Markup Language**.
- Một ngôn ngữ đánh dấu là một tập hợp các thẻ đánh dấu.
- Tài liệu HTML được mô tả bằng các thẻ HTML.
- Mỗi thẻ HTML mô tả nội dung tài liệu khác nhau.

Ví dụ giải thích

- Các **DOCTYPE** khai báo xác định các loại tài liệu HTML.
- Các văn bản giữa **<html>** và **</html>** mô tả một tài liệu HTML.
- Các văn bản giữa **<head>** và **</head>** cung cấp thông tin về tài liệu.
- Các văn bản giữa **<title>** và **</title>** cung cấp một tiêu đề cho tài liệu.
- Các văn bản giữa **<body>** và **</body>** mô tả nội dung trang có thể nhìn thấy.
- Các văn bản giữa **<h1>** và **</h1>** mô tả một nhóm.
- Các văn bản giữa **<p>** và **</p>** mô tả một đoạn văn.

Sử dụng mô tả này, một trình duyệt web có thể hiển thị một tài liệu với một tiêu đề và một đoạn.

❖ Thẻ HTML

Thẻ HTML là từ khóa (tên thẻ) được bao quanh bởi dấu ngoặc nhọn

< Tagname > nội dung < / tagname >

- Thẻ HTML thông thường đi theo cặp như **<p>** và **</p>**
- Thẻ đầu tiên trong một cặp là bắt đầu từ khóa, thẻ thứ hai là thẻ kết

thúc

- Các từ khóa kết thúc được viết như thẻ bắt đầu từ khóa, nhưng với một dấu gạch chéo trước tên thẻ

Bắt đầu từ khóa thường được gọi là thẻ mở. Thẻ cuối thường được gọi là thẻ đóng.

1.1.1.1. HTML5 là gì?

- **Giới thiệu:** HTML5 là một ngôn ngữ cấu trúc và trình bày nội dung cho World Wide Web và sẽ là công nghệ cốt lõi của Internet trong tương lai không xa, được đề xuất đầu tiên bởi Opera Software. Đây là phiên bản thứ 5 của ngôn ngữ HTML và hiện tại vẫn đang được phát triển bởi World Wide Web Consortium và WHATWG. Mục tiêu cốt lõi khi thiết kế ngôn ngữ là cải thiện khả năng hỗ trợ cho đa phương tiện mới nhất trong khi vẫn giữ được việc con người và các thiết bị, các chương trình máy tính như trình duyệt web, trình đọc màn hình, v.v.. Có thể đọc, hiểu, hay xử lý một cách dễ dàng. HTML5 vẫn sẽ giữ lại những đặc điểm cơ bản của HTML4 và bổ sung thêm các đặc tả nổi trội của XHTML, DOM, đặc biệt là JavaScript.

Là phiên bản tiếp sau của HTML 4.01 và XHTML 1.1, HTML5 là một phản ứng để đáp lại lời phê bình rằng HTML và XHTML được sử dụng phổ biến trên World Wide Web là một hỗn hợp các tính năng với các thông số kỹ thuật khác nhau, được giới thiệu bởi nhiều nhà sản xuất phần mềm ví dụ Adobe, Sun Microsystems, Mozilla, Apple, Google,... và có nhiều lỗi cú pháp trong các văn bản web. Đây là một nỗ lực để tạo nên một ngôn ngữ đánh dấu có thể được viết bằng cú pháp HTML hoặc XHTML- Khả năng tương thích: HTML5 vẫn giữ lại các cú pháp truyền thống trước đây, và nếu một vài tính năng mới nào đó của HTML5 chưa được trình duyệt hỗ trợ thì nó phải có một cơ chế fall back để render trong các trình duyệt cũ. Đương nhiên là HTML5 không thể xóa bỏ tất cả những gì đã có suốt hơn 20 năm chỉ trong một ngày. Mặc dù điều này cũng không đồng nghĩa với việc HTML5 hỗ trợ tất cả các trình duyệt, nhưng nếu bạn có một trình duyệt đủ cũ để không tương thích với HTML5, có lẽ đã đến lúc bạn nâng cấp trình duyệt mới!

- **Đặc điểm nổi bật của html5**

- Tính tiện dụng: Đặt người dùng lên hàng đầu nên cú pháp của HTML5 khá thoải mái (dù chưa được chặt chẽ như XHTML), thiết kế hỗ trợ sẵn bảo mật, và sự tách biệt giữa phần nội dung và trình bày ngày càng thể hiện rõ: công việc định dạng hầu hết do CSS đảm nhiệm, HTML5 không còn hỗ trợ phần lớn các chức năng định dạng trong các phiên bản HTML trước đây.

- Khả năng hoạt động xuyên suốt giữa các trình duyệt: HTML5 cung cấp các khai báo đơn giản hơn và một API mạnh mẽ. Một ví dụ dễ thấy là khai báo DOCTYPE:

HTML4: `<!DOCTYPE HTML PUBLIC "-//W3C//DTD HTML 4.01 Transitional//EN"`

`"http://www.w3.org/TR/html4/loose.dtd">`

HTML5: `<!DOCTYPE html>`

So với các phiên bản trước, đặc tả HTML5 ngắn hơn đáng kể nhằm chi tiết hóa mọi hành vi để đảm bảo chúng thống nhất giữa các trình duyệt khác nhau.

- Khả năng truy xuất rộng rãi: HTML5 mang lại sự hỗ trợ tốt hơn cho các ngôn ngữ, đồng thời cũng có thể hoạt động trên các thiết bị và nền tảng khác nhau.

- Điểm đặc trưng đầu tiên của một ngôn ngữ đánh dấu (markup language) là các thẻ. Và ở mặt này thì HTML5 được bổ sung rất nhiều cái mới, từ các thẻ tổ chức nội dung (article, aside, title...) đến các thẻ hỗ trợ tương tác và multimedia (video, audio...). Trong HTML5 cũng xuất hiện một khái niệm gọi là semantic markup, tức là các thẻ có mang ngữ nghĩa. Các thẻ này ra đời từ việc khảo sát các trang web và nhận diện một số thói quen đặt tên phổ biến (một số phần của trang web thường luôn được đặt một cái tên như "header", "footer", "nav"). Ngoài sự rõ ràng, sử dụng các semantic markup còn có thể đem lại lợi thế khi các công cụ tìm kiếm trong tương lai tận dụng chúng để phân loại kết quả.

Bên cạnh đó, thẻ `<form>` của HTML5 cũng được xem là một cải tiến lớn. Giờ đây với Form 2.0 (một cách gọi form trong HTML5), tất cả những chức

năng mà bạn cần (định dạng, validate data...) đã được xây dựng trực tiếp vào trong HTML. Bạn không còn cần đến Ajax, Flash hay các công nghệ hỗ trợ để làm công việc này nữa!

Nó bao gồm các mô hình xử lý chi tiết để tăng tính tương thích, mở rộng, cải thiện và hợp lý hóa các đánh dấu có sẵn cho tài liệu, đưa ra các đánh dấu mới và giới thiệu giao diện lập trình ứng dụng (application programming interfaces API) để tạo ra các ứng dụng Web phức tạp. Cùng một lý do như vậy, HTML5 là một ứng cử viên tiềm năng cho nền tảng ứng dụng di động. Nhiều tính năng của HTML5 được xây dựng với việc xem xét chúng có thể sử dụng được trên các thiết bị di động như điện thoại thông minh và máy tính bảng hay không.

1.1.1.2. Những phần tử mới của HTML5

Việc bổ sung những thẻ mới trong tập thẻ HTML phiên bản trước đây cùng với việc hỗ trợ một số loại đối tượng nội dung như âm thanh, hoạt hình... đã đưa HTML5 trở thành tâm điểm cho công nghệ thiết kế website hiện nay.

• Các phần tử trong cấu trúc mới:

- **HEADER:** chứa thông tin giới thiệu của một phần hay một trang hoặc bất cứ thông tin gì của tiêu đề tài liệu hay tiêu đề nội dung của một bảng.
- **NAV:** chứa đường liên kết đến trang khác hoặc phần khác trên cùng trang, không nhất thiết chứa tất cả liên kết, chỉ cần đường chuyển hướng chính.
- **SECTION:** đại diện cho một phần tài liệu hay ứng dụng, cách thức hoạt động tương tự DIV.
- **ARTICLE:** đại diện một phần của trang, có thể đứng độc lập, chẳng hạn blog post, forum entry... hay bất kỳ thành phần nội dung đứng độc lập nào.
- **ASIDE:** đại diện cho nội dung có liên quan đến phần tài liệu chính hay các đoạn trích dẫn.
- **FOOTER:** đánh dấu không chỉ cuối trang hiện hành mà còn mỗi phần có trong trang. Vì vậy, FOOTER có thể dùng nhiều lần trong một trang.

- HEADER, FOOTER không chỉ đại diện cho phần đầu, phần cuối của trang hiện hành, mà còn là đại diện phần đầu, phần cuối của một phần tài liệu, hơn nữa, bạn có thể dùng THEAD, TFOOT trong các bảng dữ liệu. Việc sử dụng cấu trúc với các phần tử mới này giúp việc lập trình thuận tiện hơn.

1.1.1.3. Lợi ích mà HTML5 đem lại

- Lợi ích to lớn nhất mà HTML5 đem lại là khả năng hỗ trợ API (Application Programming Interface - giao diện lập trình ứng dụng) và DOM (Document Object Model – mô hình đối tượng tài liệu hay cây cấu trúc dữ liệu).

- HTML5 cho phép mở rộng dễ dàng với API. Điều này sẽ giúp các nhà phát triển tự do hơn trong việc sáng tạo các ứng dụng thân thiện hơn với người dùng khi mà họ còn lệ thuộc vào nền tảng Flash - lưu trữ dữ liệu và trình diễn ảnh động. Cùng với việc hỗ trợ bộ nhớ ứng dụng (application cache) và khả năng offline, HTML5 sẽ mở ra nhiều cơ hội tương lai cho các ứng dụng web. Khả năng offline có thể hình dung như việc Thunderbird, Outlook cho phép bạn kiểm tra email ngay cả khi bạn làm việc offline nhưng với HTML5 bạn sẽ thực hiện điều này qua trình duyệt. Đây là cầu nối quan trọng để mối “lương duyên” giữa máy tính cá nhân và môi trường web sớm hiện thực hơn. Google Gears cho chúng ta khả năng lưu trữ dữ liệu offline, Flash đem đến cho người dùng những trải nghiệm về sức mạnh của bộ nhớ ứng dụng (Pandora dùng nó để lưu trữ thông tin người dùng). Với HTML5, những khả năng này hiện đã sẵn sàng và có thể dễ dàng mở rộng với JavaScript.

- Một lợi ích nữa, với HTML5, nhà phát triển chỉ cần lập trình một lần là có thể dùng được trên nhiều hệ thống, không như Flash hay các plug-in khác luôn cần có nhiều phiên bản khác nhau dành cho mỗi nền tảng.

- Mặc dù Flash, SilverLight... vẫn là các plug-in đang hoạt động tốt, nhưng các nhà phát triển vẫn ra sức ủng hộ HTML5. Đơn giản vì:

- Thứ nhất, tuy Flash hoạt động tốt nhưng đôi khi nó gây ra hiện tượng rò bộ nhớ (memory leak) hay làm nghẽn hệ thống (crash);

- Thứ hai, HTML5 giúp tập trung, quản lý các phần tử tương tác trên trang web một cách tự nhiên, dựa vào các đoạn mã;

- Thứ 3, HTML5 giúp JavaScript hiện thực dễ dàng hơn.

- Một điểm nữa cho HTML5 là khả năng hỗ trợ nhà lập trình chuyển đổi từ XHTML.

- Một khi có nhiều trình duyệt và nhiều nhà phát triển hỗ trợ các chuẩn tương tác video, audio của HTML5, thì ý tưởng về một cửa hàng cung cấp ứng dụng dùng được trên nhiều thiết bị, nền tảng – ĐTTM, MTĐB, MTTT, Windows, Mac, Linux – sẽ trở thành hiện thực.

1.1.2. CSS là gì:

1.1.2.1. Giới thiệu CSS

Trong những ngày sơ khai của Internet, các công cụ cho việc thiết kế một Website chỉ là HTML và một số ít các công cụ khác. Nhưng việc thiết kế một trang Web chỉ với HTML thật tẻ nhạt và nhiều hạn chế. **Đó là lí do chúng ta cần đến CSS.**

CSS là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh “Cascading Style Sheet”, là kiểu thiết kế sử dụng nhiều lớp định dạng chồng lên nhau. CSS được tổ chức World Wide Web (W3C) giới thiệu vào năm 1996. Cách đơn giản nhất để hiểu CSS là hãy coi nó như một phần mở rộng của HTML để giúp đơn giản hóa và cải tiến việc thiết kế cho các trang web.

CSS mô tả cách các yếu tố phải được xuất trên màn hình, trên giấy, hoặc trong phương tiện truyền thông khác.

CSS giúp tiết kiệm rất nhiều công việc . Nó có thể kiểm soát bố trí của nhiều trang web cùng một lúc

Stylesheets bên ngoài được lưu trữ trong file CSS

1.1.2.2. Giới thiệu về CSS3

- CSS3 là bản nâng cấp đáng kể của CSS, nó là thành phần làm nên website một cách toàn diện nhất với các hỗ trợ sẵn có mà không cần phải dùng tới các thành phần bổ sung bên ngoài như Javascript, JQuery, Flash...

- CSS3 là tiêu chuẩn mới nhất cho CSS. CSS3 là hoàn toàn tương thích ngược với các phiên bản trước đó của CSS. cho phép bạn áp dụng nhiều hình nền lên một phần tử (element). Tương tự như việc áp dụng đổ bóng , bạn có

thể dùng tất cả các thuộc tính như background-image, background-repeat, background-position và background-size. Các khai báo hình nền cách nhau bởi dấu phẩy:

```
body {  
  background:  
    url(..images/2.png) no-repeat left top,  
    url(..images/1.png) no-repeat right top,  
    url(..images/3.png) no-repeat left bottom,  
    url(..images/4.png) no-repeat right bottom;  
  background-color:#ffffff;  
}
```

➤ Selectors

- CSS3 selectors cho phép bạn chọn các phần tử HTML dễ dàng hơn. Cách chọn của CSS3 không những giúp bạn tiết kiệm thời gian viết CSS, giảm dung lượng file mà còn giúp cho mã HTML dễ nhìn hơn.

- Các pseudo-classes mới cho phép bạn chọn một nhóm các phần tử hoặc phần

tử riêng biệt nào đó (trước đây phải dùng javascript để làm việc này). Dưới đây là một số pseudo-classes mới

first-of-type /* Chọn phần tử đầu tiên của thẻ nào đó */

last-child /* Chỉ chọn phần tử cuối cùng */

nth-child(n) /* chọn phần tử thứ n*/

not(e) /* chọn tất cả trừ phần tử e */

➤ Resize

Với CSS3 bạn có thể thay đổi kích thước phần tử với thuộc tính resize. Với đoạn mã sau, bạn sẽ thấy dưới cùng bên phải của thẻ div#ntuts xuất hiện một hình tam giác nhỏ để thay đổi kích thước:

```
div#ntuts {  
  resize: both; }
```

➤ Font

Nếu ở CSS2 bạn bị hạn chế với các font như Arial, Verdana, Tahoma vì phần lớn các máy tính có các font này thì ở CSS3 bạn có thể sử dụng bất kỳ font nào bạn muốn. Font sẽ được lấy từ một địa chỉ nào đó trên internet.

```
@font-face {  
  font-family: VNITHufap2;  
  src: url('http://ntuts.com/fonts/VNI-Thufap2.ttf');  
}  
  
h1  
{  
  font-family: VNITHufap2;  
  font-size: 3.2em;  
  letter-spacing: 1px;  
  text-align: center;  
}
```

1.1.2.3. Những ưu điểm của việc sử dụng CSS3

- Làm tăng sức mạnh cho HTML

CSS kết hợp với HTML tạo nên một trang web có kỹ thuật cao hơn và giao diện đẹp mắt hơn. Ngoài ra, khi sử dụng CSS sẽ giúp sắp xếp các thành phần trong HTML như: div, header, footer, body... một cách khoa học hơn.

- Hỗ trợ các công cụ tìm kiếm

CSS giúp bạn loại bỏ những đoạn code thừa vì các thẻ này thường hay được sử dụng lặp lại như các thẻ , thẻ <p> hay các thuộc tính không quan trọng được sinh ra bởi các công cụ lập trình.

- CSS giúp các website có dự đồng bộ tuyệt đối.

Dù website có bao nhiêu trang đi nữa thì bạn cũng chỉ phải định dạng một file CSS duy nhất. Khi bạn muốn phát triển giao diện của website bạn chỉ phải thay đổi một trang duy nhất, các trang khác sẽ tự động thay đổi theo.

CSS tương thích với hầu hết các trình duyệt

Ngôn ngữ này được hỗ trợ bởi hầu hết các trình duyệt. Trang web được hiển thị ở các trình duyệt khác nhau với nội dung khá nhất quán. Tuy nhiên trong một số trường hợp, người thiết kế web cần phải xác định khách hàng thường hay sử dụng trình duyệt nào để có sự điều chỉnh phù hợp.

1.1.3. Javascript

1.1.3.1. Giới thiệu về Javascript

Javascript là một ngôn ngữ thông dịch, chương trình nguồn của nó được nhúng hoặc tích hợp vào tập tin HTML. Khi trang web được tải trong trình duyệt hỗ trợ javascript, Trình duyệt sẽ thông dịch và thực hiện các lệnh Javascript.

JavaScript là một trong những ngôn ngữ lập trình phổ biến nhất thế giới, nó là ngôn ngữ cho HTML, web, server, PC, laptop, tablet, smart phone...

- JavaScript là một ngôn ngữ kịch bản
- Ngôn ngữ kịch bản là một ngôn ngữ lập trình nhỏ.
- JavaScript là mã lập trình có thể được chèn vào các trang HTML.
- JavaScript được chèn vào các trang web có thể được chạy bởi tất cả

các trình duyệt web hiện đại.

- JavaScript là một ngôn ngữ lập trình dễ học.

Đặc tính của ngôn ngữ java script:

Javascript là một ngôn ngữ có đặc tính:

- Đơn giản.
- Động (Dynamic).
- Hướng đối tượng (Object Oriented).

Ngôn ngữ java script:

Một trong những đặc tính quan trọng của ngôn ngữ javascript là khả năng tạo và sử dụng các đối tượng (Object). Các Object này cho phép người lập trình sử dụng để phát triển ứng dụng.

Trong javascript ,các Object được nhìn theo 2 khía cạnh:

- Các Object đã tồn tại.
- Các Object do người lập trình xây dựng.

1.1.3.2. Cách nhúng Javascript vào trong tập tin HTML

Có 2 cách để nhúng Javascript vào trong tập tin HTML

- Cách 1: Viết chương trình Javascript trực tiếp trong file HTML

```
<script type="text/javascript">
```

```
//Các lệnh Javascript
```

```
</script>
```

- Cách 2: Sử dụng tập tin javascript bên ngoài :

Cũng giống như CSS ngoại tuyến, chúng ta cũng có thể nhúng Javascript vào tập tin HTML bằng cách liên kết đến một tập tin bên ngoài, đây cũng là phương thức được sử dụng nhiều nhất.

Với phương pháp này, các lệnh Javascript sẽ được viết trong một file riêng biệt có phần mở rộng là **.js** (Ví dụ ta có tập tin **my.js**)

Để nhúng tập tin **demo.js** vào tập tin HTML ta sử dụng đoạn mã sau:

```
<script type="javascript" src="demo.js" type="text/javascript"></script>
```

1.1.4. Giới thiệu ngôn ngữ lập trình PHP :

PHP là chữ viết tắt của “Personal Home Page” do Rasmus Lerdorf tạo ra năm 1994. Vì tính hữu dụng của nó và khả năng phát triển, PHP bắt đầu được sử dụng trong môi trường chuyên nghiệp và nó trở thành “PHP: Hypertext Preprocessor”.

PHP (*Hypertext Preprocessor*) là một ngôn ngữ máy chủ kịch bản, và một công cụ mạnh mẽ để làm cho các trang Web động và tương tác. Khi một trang Web muốn dùng PHP thì phải đáp ứng được tất cả các quá trình xử lý thông tin trong trang Web đó, sau đó đưa ra kết quả như ngôn ngữ HTML. Về quá trình xử lý này diễn ra trên máy chủ nên trang Web được viết tắt bằng PHP sẽ dễ nhận hơn bất cứ hệ điều hành nào.

Cũng như hầu hết các ngôn ngữ khác, PHP có thể nói trực tiếp với HTML. Khi một tài liệu đưa ra phân tích quá trình xử lý cũng được thực hiện ở những điểm quan trọng rồi sau đó đưa ra kết quả.

PHP là một ngôn ngữ lập trình có cấu trúc và tính năng đa dạng. Chính với những điểm giống nhau này đã khuyến khích những nhà thiết kế Web chuyển

qua sử dụng PHP. Với phiên bản này PHP cung cấp một số lượng cơ sở dữ liệu khá đồ sộ gồm cả MySQL, mSQL, OPBC và Oracle. Nó có thể làm việc với các hình ảnh các file dữ liệu, FTP, XML và Host của các kỹ thuật ứng dụng khác.

PHP có thể chạy trên Windows NT/2000/2003 và Unix với sự hỗ trợ của IIS và Apache, ngoài ra nó có thể chạy trên một số Platform khác.

PHP cung cấp các tính năng mạnh mẽ để thực hiện ứng dụng Web một cách nhanh chóng. Hơn nữa bạn không phải ngại tới vấn đề bản quyền khi bạn sắm một máy vi tính và cài lên thì những phần mềm Apache, PHP tất cả đều miễn phí.

Khi một trang Web muốn được dùng ngôn ngữ PHP thì phải đáp ứng được tất cả các quá trình xử lý thông tin trong trang Web đó, sau đó đưa ra kết quả ngôn ngữ HTML.

Khác với ngôn ngữ lập trình, PHP được thiết kế để chỉ thực hiện điều gì đó sau khi một sự kiện xảy ra (ví dụ, khi người dùng gửi một biểu mẫu hoặc chuyển tới một URL).

1.1.4.1. Các đặc điểm của ngôn ngữ PHP :

PHP là một ngôn ngữ lập trình web rất được ưa chuộng, hiện là ngôn ngữ lập trình web phổ biến nhất. Nhờ vào một số đặc điểm sau :

- PHP dễ học và linh động
- Rất nhiều hàm hỗ trợ và nhiều phần mở rộng phong phú
- Đặc biệt mã nguồn mở, thường xuyên nâng cấp, chạy được trên nhiều máy chủ web, nhiều hệ điều hành (đa nền tảng)
- Cộng đồng sử dụng và hỗ trợ đông đảo
- Ngoài phần code chính (thường gọi là code thuần), các phần mở rộng cũng rất phong phú mà lại miễn phí như nhiều frame work, nhiều CMS
- Các mã nguồn chia sẻ trên mạng tìm được rất nhiều và dễ dàng
- Được tích hợp và sử dụng ổn định trong một mô hình LAMP = Linux+Apache+Mysql+Php, mã nguồn mở, chi phí thấp.
- Các hosting hỗ trợ nhiều

1.1.4.2. Hoạt động của PHP:

- Vì PHP là ngôn ngữ của máy chủ nên mã lệnh của PHP sẽ tập trung trên máy chủ để phục vụ các trang Web theo yêu cầu của người dùng thông qua trình duyệt.

- Khi người dùng truy cập Website viết bằng PHP, máy chủ đọc mã lệnh PHP và xử lý chúng theo các hướng dẫn được mã hóa. Mã lệnh PHP yêu cầu máy chủ gửi một dữ liệu thích hợp (mã lệnh HTML) đến trình duyệt Web. Trình duyệt xem nó như là một trang HTML tiêu chuẩn. Như ta đã nói, PHP cũng chính là một trang HTML nhưng có nhúng mã PHP và có phần mở rộng là HTML. Phần mở của PHP được đặt trong thẻ mở `<?php` và thẻ đóng `?>`. Khi trình duyệt truy cập vào một trang PHP, Server sẽ đọc nội dung file PHP lên và lọc ra các đoạn mã PHP và thực thi các đoạn mã đó, lấy kết quả nhận được của đoạn mã PHP thay thế vào chỗ ban đầu của chúng trong file PHP, cuối cùng Server trả về kết quả cuối cùng là một trang nội dung HTML về cho trình duyệt.

1.1.4.3. Các loại thẻ PHP:

Có 4 loại thẻ khác nhau mà bạn có thể sử dụng khi thiết kế trang PHP:

- Kiểu **Short**: Thẻ mặc định mà các nhà lập trình PHP thường sử dụng.

Ví dụ:

`<? Echo "Well come to PHP";?>`

- Kiểu định dạng XML: Thẻ này có thể sử dụng với văn bản định dạng XML

Ví dụ:

`<? Php echo "Well come to PHP with XML";?>`

- Kiểu Script: Trong trường hợp bạn sử dụng PHP như một script tương tự khai báo JavaScript hay VBScript:

Ví dụ:

`<script language= "php">`

`Echo "Php Script";`

`</script>`

- Kiểu ASP: Trong trường hợp bạn khai báo thẻ PHP như một phần trong trang ASP.

Ví dụ:

```
<% echo "PHP - ASP"; %>
```

**PHP và HTML là các ngôn ngữ không “nhạy cảm” với khoảng trắng, khoảng trắng có thể được đặt xung quanh để các mã lệnh dễ rõ ràng hơn. Chỉ có khoảng trắng đơn có ảnh hưởng đến sự thể hiện của trang Web (nhiều khoảng trắng liên tiếp sẽ chỉ thể hiện dưới dạng một khoảng trắng đơn).*

1.1.4.4. Các kiểu dữ liệu :

Dữ liệu đến từ Script đều là biến PHP, bạn có thể nhận biết chúng bằng cách sử dụng dấu \$ trước tên biến

- Số nguyên :

Được khai báo và sử dụng giá trị giống với C.

Ví dụ:

```
$a=12345;
```

```
$a=-456;
```

- Số thực :

Ví dụ:

```
$a=2. 123;
```

```
$b=3. 1e3;
```

- Mảng :

Mảng thực chất gồm 2 bảng: Bảng chỉ số và bảng liên kết.

- Mảng một chiều: Có thể dùng hàm List() hoặc Array(). Có thể dùng các hàm aort(), ksort(), sort(), uaort(),... để sắp xếp mảng, tùy thuộc vào việc bạn định sắp xếp theo kiểu gì..

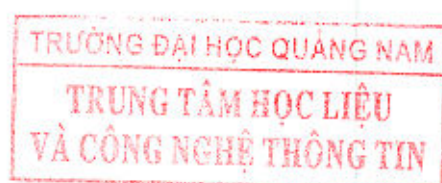
- Mảng 2 chiều:

Ví dụ:

```
$a[1]=$f;
```

```
$a[1][2]=$f;
```

```
$a["abc"][2]=$f;
```



Loại dữ liệu numeric: bao gồm kiểu số nguyên và kiểu số chấm động.

1.1.5. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL:

1.1.5.1 Giới thiệu về cơ sở dữ liệu:

MySQL là hệ quản trị cơ sở dữ liệu tự do nguồn mở phổ biến nhất thế giới và được các nhà phát triển rất ưa chuộng trong quá trình phát triển ứng dụng. Vì MySQL là cơ sở dữ liệu tốc độ cao, ổn định và dễ sử dụng, có tính khả chuyển, hoạt động trên nhiều hệ điều hành cung cấp một hệ thống lớn các hàm tiện ích rất mạnh.

Với tốc độ và tính bảo mật cao, MySQL rất thích hợp cho các ứng dụng có truy cập CSDL trên internet. MySQL miễn phí hoàn toàn cho nên bạn có thể tải về MySQL từ trang chủ. Nó có nhiều phiên bản cho các hệ điều hành khác nhau: phiên bản Win32 cho các hệ điều hành dòng Windows, Linux, SGI Irix, Solaris, SunOS...

MySQL là cơ sở dữ liệu có trình giao diện trên Windows hay Linux, cho phép người sử dụng có thể thao tác các hành động liên quan đến nó. Việc tìm hiểu từng công nghệ trước khi bắt tay vào việc viết mã kịch bản PHP, việc tích hợp hai công nghệ PHP và MySQL là một công việc cần thiết và rất quan trọng. Nó thường được sử dụng kết hợp với PHP để lưu trữ dữ liệu của ứng dụng website khi người dùng thao tác trên website của chúng ta. Nếu các bạn đã từng học SQL Server một hệ cơ sở dữ liệu quan hệ của Microsoft thì khi tiếp cận với MySQL sẽ dễ dàng hơn, vì chúng vẫn được xây dựng giống nhau về tư tưởng, kiến trúc.

1.1.5.2 Mục đích sử dụng cơ sở dữ liệu :

Mysql là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ phổ biến trên thế giới. Được xem là đối thủ của sql - hệ quản trị cơ sở dữ liệu của Microsoft.

Mục đích sử dụng cơ sở dữ liệu bao gồm các chức năng như: lưu trữ (storage), truy cập (accessibility), tổ chức (organization) và xử lý (manipulation).

- **Lưu trữ:** Lưu trữ trên đĩa và có thể chuyển đổi dữ liệu từ cơ sở dữ liệu này sang cơ sở dữ liệu khác, nếu bạn sử dụng cho quy mô nhỏ, bạn có thể chọn cơ sở dữ liệu nhỏ như: Microsoft Excel, Microsoft Access, MySQL,

Microsoft Visual FoxPro, ... Nếu ứng dụng có quy mô lớn, bạn có thể chọn cơ sở dữ liệu có quy mô lớn như: Oracle, SQL Server,...

- **Truy cập:** Truy cập dữ liệu phụ thuộc vào mục đích và yêu cầu của người sử dụng, ở mức độ mang tính cục bộ, truy cập cơ sở dữ liệu ngay trong cơ sở dữ liệu với nhau, nhằm trao đổi hay xử lý dữ liệu ngay bên trong chính nó, nhưng do mục đích và yêu cầu người dùng vượt ra ngoài cơ sở dữ liệu, nên bạn cần có các phương thức truy cập dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu với nhau như: Microsoft Access với SQL Server, hay SQL Server và cơ sở dữ liệu Oracle....

- **Tổ chức:** Tổ chức cơ sở dữ liệu phụ thuộc vào mô hình cơ sở dữ liệu, phân tích và thiết kế cơ sở dữ liệu tức là tổ chức cơ sở dữ liệu phụ thuộc vào đặc điểm riêng của từng ứng dụng. Tuy nhiên khi tổ chức cơ sở dữ liệu cần phải tuân theo một số tiêu chuẩn của hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm tăng tính tối ưu khi truy cập và xử lý.

- **Xử lý:** Tùy vào nhu cầu tính toán và truy vấn cơ sở dữ liệu với các mục đích khác nhau, cần phải sử dụng các phát biểu truy vấn cùng các phép toán, phát biểu của cơ sở dữ liệu để xuất ra kết quả như yêu cầu. Để thao tác hay xử lý dữ liệu bên trong chính cơ sở dữ liệu ta sử dụng các ngôn ngữ lập trình như: PHP, C++, Java, Visual Basic,...

1.1.5.3 Các thao tác cập nhật dữ liệu cơ sở dữ liệu:

❖ **Khái niệm về database, table và field:**

- **Database:** là một CSDL (cơ sở dữ liệu), trong CSDL bao gồm các table
- **Table:** là bảng dữ liệu, trong table bao gồm các field
- **Field:** là trường dữ liệu.

❖ **SQL là gì?**

- SQL là một ngôn ngữ chuẩn để truy cập cơ sở dữ liệu.
- SQL là viết tắt của ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc
- SQL cho phép bạn truy cập và thao tác cơ sở dữ liệu
- SQL là một (ANSI) tiêu chuẩn ANSI

❖ SQL có thể làm gì?

- SQL có thể thực hiện truy vấn đối với cơ sở dữ liệu
- SQL có thể lấy dữ liệu từ cơ sở dữ liệu
- SQL có thể chèn các bản ghi trong cơ sở dữ liệu
- SQL có thể cập nhật các bản ghi trong cơ sở dữ liệu
- SQL có thể xoá các bản ghi từ một cơ sở dữ liệu
- SQL có thể tạo ra cơ sở dữ liệu mới
- SQL có thể tạo bảng mới trong cơ sở dữ liệu
- SQL có thể tạo thủ tục lưu trữ trong cơ sở dữ liệu
- SQL có thể tạo ra quan điểm trong một cơ sở dữ liệu
- SQL có thể thiết lập quyền truy cập vào bảng, thủ tục, và quan điểm

❖ Một số câu lệnh truy vấn cơ sở dữ liệu cơ bản:

- **Lệnh Insert** là câu lệnh SQL dùng để chèn một bản ghi vào table

Cú pháp:

INSERT INTO table_name (field1, field2) VALUES ('value1', 'value2');

- **table_name:** là tên của bảng
- **field:** là trường dữ liệu, các field được tách nhau bởi dấu phẩy
- **value:** là giá trị tương ứng với các field cũng được tách nhau bởi dấu phẩy

➤ **Lệnh Update**

Lệnh Update là câu lệnh SQL dùng để cập nhật giá trị cho một hoặc nhiều bản ghi đang có trong bảng (tùy vào điều kiện giới hạn số bản ghi thực hiện của bạn).

Cú pháp:

UPDATE table_name SET field1 = 'value1', field2 = 'value2' WHERE điều_kiện

- **table_name:** là bảng dữ liệu cần cập nhật
- **field = 'value':** các trường và giá trị tương ứng cần cập nhật
- **WHERE điều_kiện:** Điều kiện giới hạn số bản ghi cần thực hiện (nếu không có điều kiện WHERE) MySQL sẽ xử lý toàn bộ các bản ghi trên bảng.

➤ Lệnh Delete

Lệnh Delete là câu lệnh SQL dùng để xóa một hay nhiều bản ghi

Cú pháp:

DELETE FROM table_name WHERE điều_kiện

- **table_name:** là tên bảng dữ liệu cần xóa
- **WHERE điều_kiện:** là các điều kiện để giới hạn số bản ghi bị tác động (nếu bỏ trống toàn bộ các bản ghi trong bảng này sẽ bị xóa bỏ)

➤ Lệnh SELECT

Câu lệnh SELECT là câu lệnh SQL dùng để truy vấn các bản ghi trong cơ sở dữ liệu của bạn. Đây là câu lệnh SQL được sử dụng nhiều nhất, tùy biến nhất để giải quyết mọi yêu cầu khai thác dữ liệu của bài toán.

Cú pháp:

SELECT field1, field2, FROM table_name WHERE điều_kiện ORDER BY field ASC|field DESC|rand() LIMIT Số bản ghi|Giá trị đầu, giá trị cuối

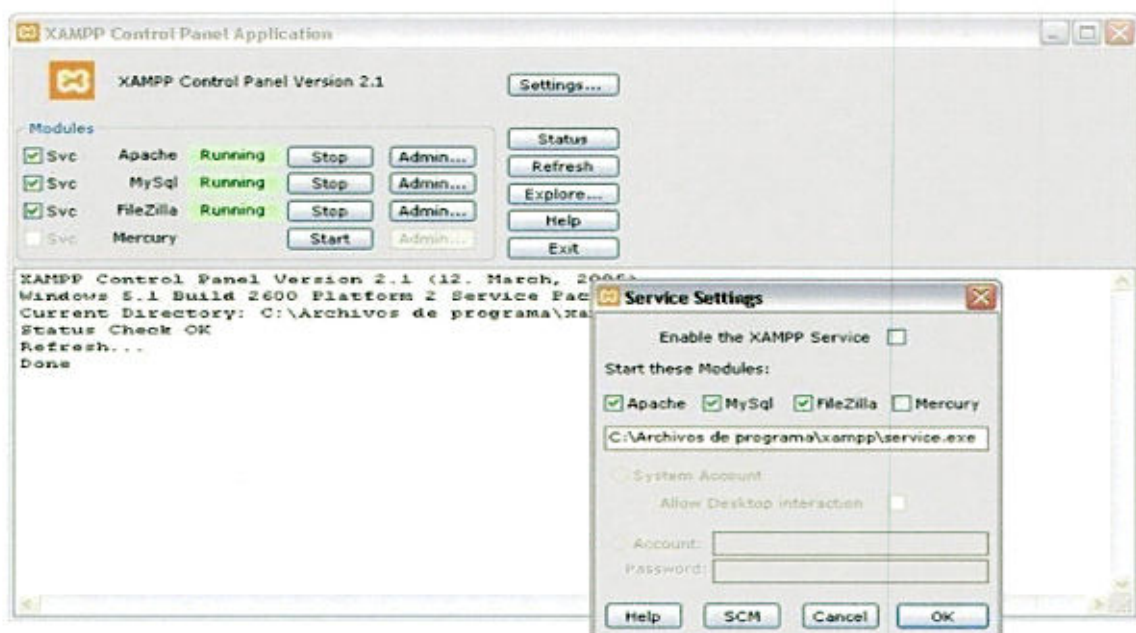
- **Field1, Field2** là các trường dữ liệu cần truy vấn
- **table_name** là bảng dữ liệu cần truy suất
- **WHERE điều_kiện** là các điều kiện để có được dữ liệu mong muốn
- **ORDER BY field ASC** lệnh sắp xếp dữ liệu tăng dần
- **ORDER BY field DESC** lệnh sắp xếp dữ liệu giảm dần
- **ORDER BY rand()** lệnh lấy ngẫu nhiên
- **LIMIT số_bản_ghi** lấy n bản ghi
- **LIMIT o,n:** lấy n bản ghi từ vị trí o

1.2. CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1.2.1. Công cụ giả lập Xampp

1.2.1.1. Xampp

Là chương trình tạo máy chủ Web (Web Server) được tích hợp sẵn Apache, PHP, MySQL, FTP Server, Mail Server và các công cụ như phpMyAdmin. Không như Appserv, Xampp có chương trình quản lý khá tiện lợi, cho phép chủ động bật tắt hoặc khởi động lại các dịch vụ máy chủ bất kỳ lúc nào



Hình 4.3. Phần mềm Xampp

Xampp gồm các thành phần sau:

- Apache + OpenSSL.
- MySQL.
- PHP.
- phpMyAdmin.
- Perl.

1.2.1.2. Các khái niệm trong Xampp

• Apache là gì?

Là webserver, là môi trường để php chuyển mã lệnh của mình thành html ở phía trình duyệt. Apache chính là một môi trường, nơi tiếp nhận các yêu cầu từ phía người dùng, phân chia công việc cho các thành phần khác làm việc, tổng hợp và gửi kết quả về cho người dùng.

Chúng ta cũng có thể dùng IIS (một chương trình tương tự Apache nhưng chạy trên window và là máy chủ web của .Net) để làm máy chủ chạy PHP, nói như thế để chúng ta có thể hình dung rằng Apache chỉ đóng vai trò điều hành, nó không thể tạo ra được mã html, việc đó dành cho thành phần PHP.

Các tập tin hoặc các trang web được lưu trữ trên máy chủ XAMPP trên máy của bạn, bạn có thể truy cập vào bằng đường dẫn <http://localhost> hoặc

<http://127.0.0.1> trên thanh địa chỉ của trình duyệt web của bạn. XAMPP phải được chạy để truy cập vào một trong các địa chỉ trên.

• OpenSSL là gì?

OpenSSL là phần mềm nguồn mở thực hiện các giao thức SSL và TLS. Thư viện gốc thực hiện các hàm mật mã học cơ bản và cung cấp nhiều hàm có ích trong ngôn ngữ lập trình C. Có sẵn những phần mềm cho phép sử dụng thư viện OpenSSL trong nhiều ngôn ngữ.

• Php là gì?

PHP (Hypertext Preprocessor) là 1 loại ngôn ngữ lập trình như nhiều ngôn ngữ khác (VD: C,C#,C+,Perl,Python,Visual Basic,ASP,ASP.Net,etc...). Chuyên dùng trong thiết kế website, theo tôi ấn tượng nhất về php là ngôn ngữ dễ viết bởi không cần khai báo biến trước.

Thành phần PHP dùng để biên dịch các file php, khi có một yêu cầu đến một "tài nguyên" php, Apache sẽ nói cho thành phần PHP xử lý những gì trong cái file php mà chúng ta viết ra, sau đó đưa kết quả cho Apache để đưa về cho trình duyệt.

• Mysql là gì?

MySQL là hệ quản trị cơ sở dữ liệu tự do nguồn mở phổ biến nhất thế giới và được các nhà phát triển rất ưa chuộng trong quá trình phát triển ứng dụng. Vì MySQL là cơ sở dữ liệu tốc độ cao, ổn định và dễ sử dụng, có tính khả chuyển, hoạt động trên nhiều hệ điều hành cung cấp một hệ thống lớn các hàm tiện ích rất mạnh. Với tốc độ và tính bảo mật cao, MySQL rất thích hợp cho các ứng dụng có truy cập CSDL trên internet. MySQL miễn phí hoàn toàn cho nên bạn có thể tải về MySQL từ trang chủ. Nó có nhiều phiên bản cho các hệ điều hành khác nhau: phiên bản Win32 cho các hệ điều hành dòng Windows, Linux, Mac OS X, Unix, FreeBSD, NetBSD, Novell NetWare, SGI Irix, Solaris, SunOS,...

MySQL là một trong những ví dụ rất cơ bản về Hệ Quản trị Cơ sở dữ liệu quan hệ sử dụng Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc (SQL).

MySQL được sử dụng cho việc hỗ trợ PHP, Perl, và nhiều ngôn ngữ khác, nó làm nơi lưu trữ những thông tin trên các trang web viết bằng PHP hay Perl,...

• Phpmysqladmin là gì?

PhpMyAdmin là một công cụ nguồn mở miễn phí được viết bằng PHP dự định để xử lý quản trị của MySQL thông qua một trình duyệt web. Nó có thể thực hiện nhiều tác vụ như tạo, sửa đổi hoặc xóa bỏ cơ sở dữ liệu, bảng, các trường hoặc bản ghi; thực hiện báo cáo SQL; hoặc quản lý người dùng và cấp phép.

• Perl là gì?

Perl (viết tắt của Practical Extraction and Report Language - ngôn ngữ kết xuất và báo cáo thực dụng) được Larry Wall xây dựng từ năm 1987, với mục đích chính là tạo ra một ngôn ngữ lập trình có khả năng chắt lọc một lượng lớn dữ liệu và cho phép xử lý dữ liệu nhằm thu được kết quả cần tìm.

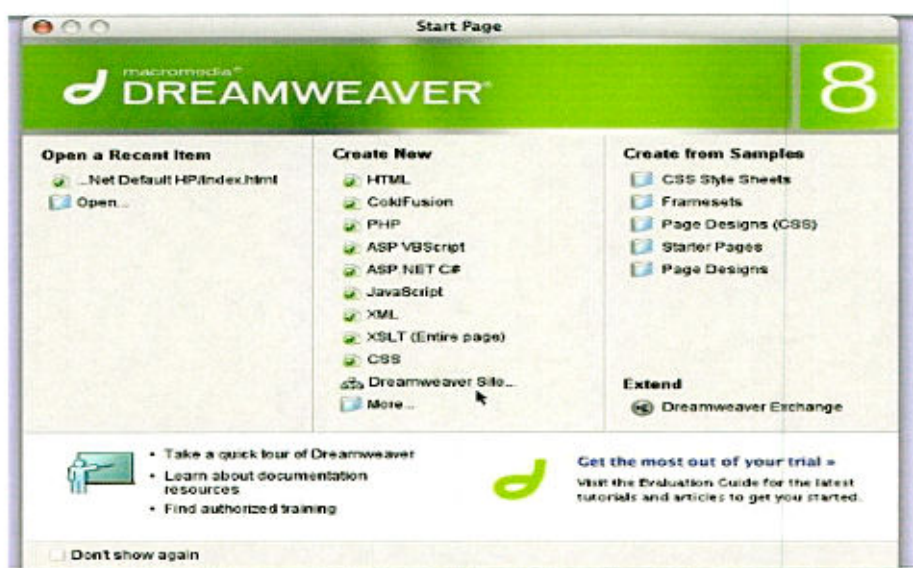
Perl là ngôn ngữ thông dụng trong lĩnh vực quản trị hệ thống và xử lý các trang Web do có các ưu điểm sau:

- Có các thao tác quản lý tập tin, xử lý thông tin thuận tiện
- Thao tác với chuỗi kí tự rất tốt
- Đã có một thư viện mã lệnh lớn do cộng đồng sử dụng Perl đóng góp (CPAN).

Cú pháp lệnh của Perl khá giống với C, từ các kí hiệu đến tên các hàm, do đó, nhiều người (đã có kinh nghiệm với C) thấy Perl dễ học. Perl khá linh hoạt và cho phép người sử dụng giải quyết với cùng một vấn đề được đặt ra theo nhiều cách khác nhau.

1.3. Công cụ thiết kế và lập trình:

1.3.1. Phần mềm DreamWeaver:



Macromedia Dreamweaver 8 là công cụ dẫn đầu trong các công cụ phát triển web, hiện tại phiên bản này đã được adobe mua lại và nâng cấp lên bản mới nhất là Adobe Dreamweaver CS6 với nhiều chức năng cao hơn. Tuy nhiên nếu bạn sử dụng máy có cấu hình yếu thì Macromedia Dreamweaver 8 vẫn là lựa chọn tốt nhất.

Dreamweaver 8 cho phép người dùng thiết kế hiệu quả, phát triển và bảo trì các website dựa trên các chuẩn từ đầu đến cuối, việc tạo và bảo trì website đến các ứng dụng cao cấp được hỗ trợ thực hành tối đa và các công nghệ mới nhất. Dreamweaver hỗ trợ và chỉ dẫn người dùng phát triển kỹ năng của họ và mở rộng công nghệ web, dễ dàng tiện lợi và nhanh chóng bắt kịp công nghệ và phương pháp học mới.

Macromedia Dreamweaver 8 là trình biên soạn HTML chuyên nghiệp dùng để thiết kế, viết mã và phát triển website cùng các trang web và các ứng dụng web. Cho dù bạn có thích thú với công việc viết mã HTML thủ công hoặc bạn thích làm việc trong môi trường biên soạn trực quan, Dreamweaver cung cấp cho bạn những công cụ hữu ích để nâng cao kinh nghiệm thiết kế web của bạn.

Các tính năng biên soạn trực quan trong Dreamweaver cho phép bạn tạo nhanh các trang web mà không cần các dòng mã. Bạn có thể xem tất cả các thành phần trong website của bạn và kéo chúng trực tiếp từ một panel để sử dụng

vào 1 văn bản. Bạn có thể nâng cao sản phẩm của bạn bằng cách tạo và sửa các ảnh trong Macromedia Fireworks hoặc trong ứng dụng ảnh khác, rồi sau đó chèn trực tiếp vào Dreamweaver. Dreamweaver cũng cung cấp những công cụ giúp đơn giản hóa việc chèn Flash vào trang web.

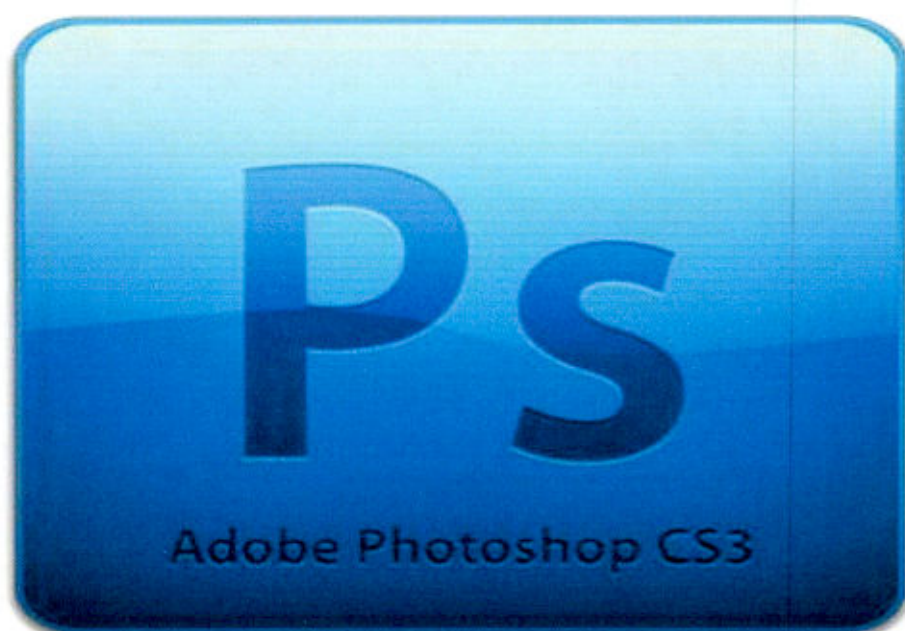
Bên cạnh những tính năng kéo và thả giúp xây dựng trang web của bạn, Dreamweaver 8 còn cung cấp một môi trường viết mã đầy đủ chức năng bao gồm các công cụ viết mã (như tô màu mã, bổ sung thẻ tag, thanh công cụ mã và thu bớt mã) và nguyên liệu tham chiếu ngôn ngữ trong Cascading Style Sheets (CSS), JavaScript, ColdFusion Markup Language (CFML) và các ngôn ngữ khác. Công nghệ Macromedia Roundtrip HTML nhập các văn bản HTML viết mã thủ công mà không định dạng lại mã; khi đó bạn có thể định dạng lại mã với phong cách định dạng của riêng bạn.

Dreamweaver cũng cho phép bạn xây dựng các ứng dụng web động dựa theo dữ liệu sử dụng công nghệ máy chủ như CFML, ASP.NET, ASP, JSP, và PHP. Nếu sở thích của bạn là làm việc với dữ liệu XML, Dreamweaver cung cấp những công cụ cho phép bạn dễ dàng tạo các trang XSLT, chèn file XML và hiển thị dữ liệu XML trên trang web của bạn

Dreamweaver có thể tùy biến hoàn toàn. Bạn có thể tạo cho riêng mình những đối tượng và yêu cầu, chỉnh sửa shortcut bàn phím và thậm chí viết mã JavaScript để mở rộng những khả năng của Dreamweaver với những hành vi mới, những chuyên gia giám định Property mới và những báo cáo site mới.

Với Dreamweaver 8, Macromedia tiếp tục thu tóm sự phát triển Web. Hơn nữa đã chọn lọc sự tinh tế và cải thiện phương cách làm việc, dẫn đầu các công cụ tạo lập trang WEB về việc thiết kế lại các công cụ CSS, nắm bắt tốt nền FTP, và các công cụ để chuyển đổi file XML để thiết kế đẹp hơn, các tài liệu trình duyệt sẽ thân thiện hơn.

1.3.2. Photoshop:



Adobe Photoshop (PS) là một chương trình phần mềm đồ họa của hãng Adobe System, ra đời vào năm 1988 trên hệ máy Macintosh. PS hiện nay là sản phẩm đứng đầu thị trường phần mềm chỉnh sửa ảnh, và được coi là tiêu chuẩn của các nhà đồ họa chuyên nghiệp.

Ngoài chức năng chính là chỉnh sửa ảnh, PS còn được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực thiết kế đồ họa, thiết kế web, vẽ tranh và vẽ texture cho các ứng dụng 3D.

Phiên bản hiện tại là Photoshop CS3, phát hành vào ngày 16 tháng 4 năm 2007. Mở văn bản ảnh trong PS.

Ở hàng trên cùng của cửa sổ, vào **File -> Open** rồi chọn đường dẫn tới văn bản ảnh. Các bạn có thể giữ phím **Ctrl** để chọn mở nhiều văn bản cùng một lúc.

CHƯƠNG 2: KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG THỰC TẾ VÀ PHÂN TÍCH THIẾT KẾ WEBSITE

2.1 GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

Trường THPT Trần Văn Dư được thành lập từ năm 2000 với sự đầu tư mới về cơ sở trang thiết bị. Trường nằm trên địa phận xã Tam An huyện Phú Ninh tỉnh Quảng Nam. Năm 2000 trường chỉ có 8 lớp học 15 CBGV- CNV và 400 học sinh với một khối lớp 10 nhưng đến nay trường đã có 34 lớp học với tổng số 80 CBGV- CNV và 1630 học sinh với 3 khối lớp 10,11,12.

Cơ sở vật chất của nhà trường: Phòng làm việc : 4 phòng (2 BGH, phòng giáo vụ, phòng tài vụ). Phòng chức năng: 7 phòng (2phòng máy tính, 1 thư viện, y tế, 3thực hành) .

2.2. KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG

2.2.1 Khảo sát hiện trạng thực tế:

Trường THPT Trần Văn Dư Phú Ninh hiện tại chưa có Website của trường, hầu hết các hoạt động thi cử, quản lí giáo viên, quản lí học sinh, quản lí các kì thi và điểm của học sinh đều được thực hiện bằng thao tác thủ công. Việc tìm kiếm các thông tin về trường, các hoạt động đều phải liên hệ trực tiếp. Thực tế, trong công tác quản lí điểm gặp nhiều khó khăn:

Mỗi năm việc họp phụ huynh thường diễn ra cuối học kì, nên phụ huynh không thể theo sát kết quả học tập của con em mình.

Các hoạt động học tập, thời khóa biểu, các hoạt động ngoài giờ phải mất công thông báo, phụ huynh không biết được lịch học của con em mình.

Đôi khi có người muốn tìm hiểu về trường lại không có thông tin.

2.2.2 Yêu cầu chức năng của hệ thống mới:

➤ Học sinh: có quyền xem các thông tin trên trang chủ, khi đăng nhập học sinh có quyền xem điểm và chỉ có thể xem chứ không chỉnh sửa được.

➤ Chức năng quản trị: phải đăng nhập vào hệ thống theo đúng chức năng quản trị của mình.

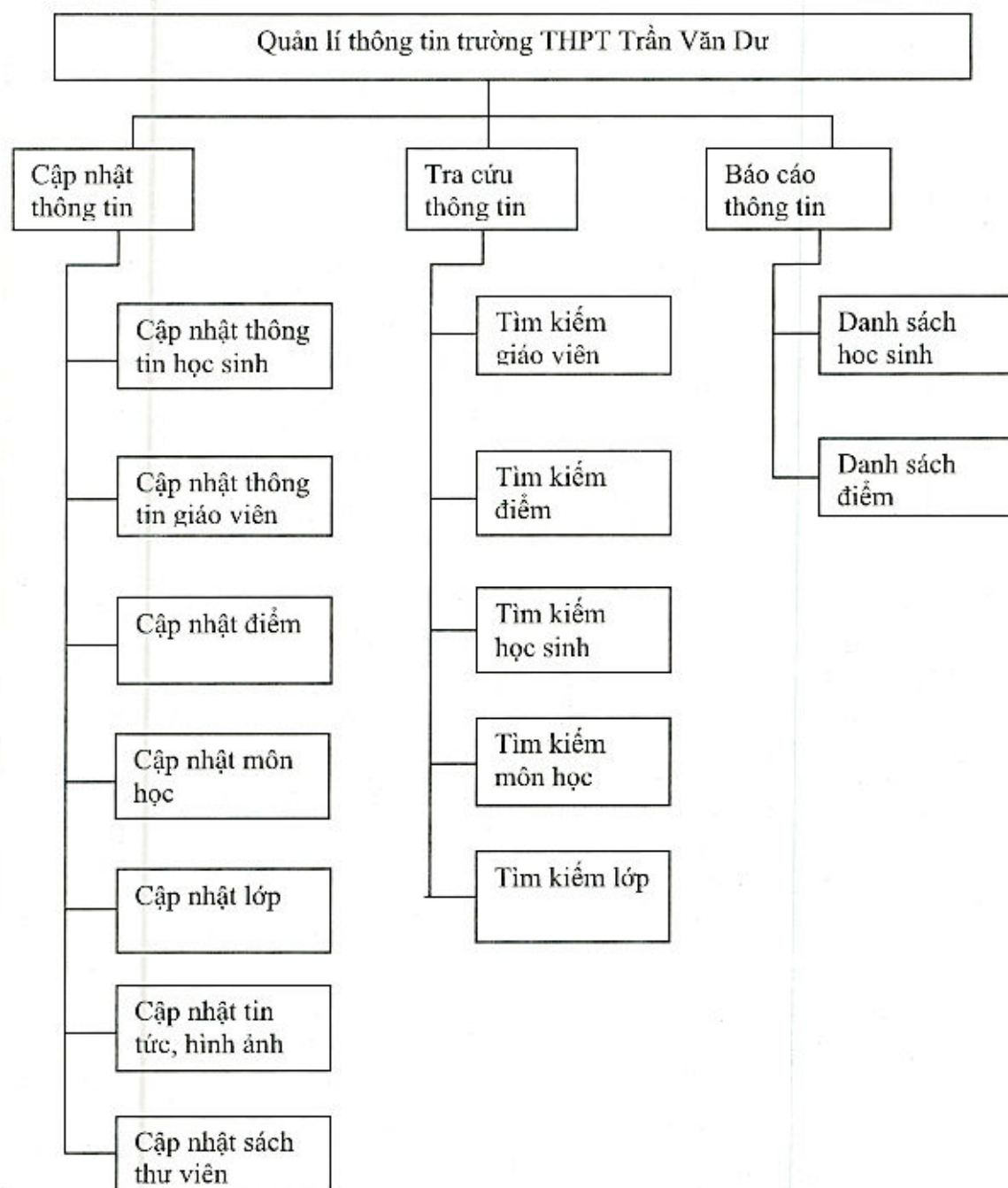
- Quyền tạo, thay đổi, xóa thông tin người dùng.
- Quyền tạo, thay đổi, xóa thông tin lớp học

- Quyền tạo, thay đổi, xóa thông tin học sinh.
- Quyền tạo, thay đổi, xóa thông tin điểm của học sinh.
- Quyền tạo, thay đổi, xóa thông tin môn học.
- Quyền tạo, thay đổi, xóa thông tin giáo viên.
- Quyền tạo, thay đổi, xóa thông tin sách bạn đọc trong thư viện.
- Quyền tạo, thay đổi, xóa bảng tin, thông báo, tin tức hoạt động của trường.
- Quyền tạo, thay đổi, xóa các hình ảnh tiêu biểu của trường
- Quyền thống kê, in ấn.

2.2.3 Yêu cầu phi chức năng của hệ thống mới:

- Giao diện trực quan tiện dụng.
- Có thể sử dụng 24/24, đáp ứng nhiều lượt truy cập cùng lúc.
- Có khả năng bảo mật.
- Việc tính toán điểm, kết quả học tập phải chính xác.
- Trên web có tài liệu hướng dẫn việc đăng kí, sử dụng.
- Hệ thống chạy trên nền web, truy cập mọi lúc mọi nơi.

2.2.4 Sơ đồ thiết kế web



2.3 ĐỊNH CÁC YÊU CẦU

2.3.1 Các tác nhân của hệ thống gồm có:

✓ **Administrator(admin):** Là thành viên quản trị của hệ thống, có các quyền và chức năng như: tạo các tài khoản, quản lý điểm, quản trị người dùng, quản lý giáo viên, quản lý thư viện sách, quản lý lớp, quản lý thời khóa biểu (TKB)....

✓ **Quản lý viên (Giáo viên hoặc giáo vụ khoa):** là hệ thống thành viên có thể là học sinh hay phụ huynh có chức năng: Đăng kí, đăng nhập, tìm kiếm, xem, sửa thông tin cá nhân, xem các thông tin về học sinh, thư viện sách, TKB....

✓ **Học sinh (Là người dùng nói chung):** Là người dùng vắng lai có chức năng: Đăng kí để trở thành thành viên, tìm kiếm, xem thông tin về trường...

➤ Danh sách các UC:

- Đăng nhập: Người dùng cần nhập đúng tài khoản và mật khẩu của mình để thực hiện các thao tác cập nhật thông tin của hệ thống.

- Xem điểm: Hệ thống cho phép học sinh xem điểm của mình sau khi nhập đúng mã số mà nhà trường đã cung cấp.

- Đăng xuất: Cho phép người dùng hủy bỏ tình trạng đăng nhập vào hệ thống.

- Quản lý học sinh: Chức năng này mô tả việc cập nhật thông tin học sinh, thêm, xóa, sửa thông tin học sinh của admin hoặc giáo viên.

- Quản lý điểm: Chức năng này cho phép giáo viên có thể cập nhật kết quả học tập của học sinh ngay sau khi có đợt kiểm tra.

- Quản lý môn học: Chức năng này giúp người sử dụng cập nhật các thông tin về môn học, như thêm môn học, tạm xóa bỏ hay chỉnh sửa thông tin về môn học.

- Quản lý người dùng: Chức năng này cho phép việc cập nhật thông tin người dùng.

- Quản lý thư viện sách: Chức năng này cho phép việc cập nhật thông tin sách trong thư viện, thêm mới và xóa bỏ bớt sách, giúp học sinh và giáo viên có thể tìm nhanh loại sách mình cần.

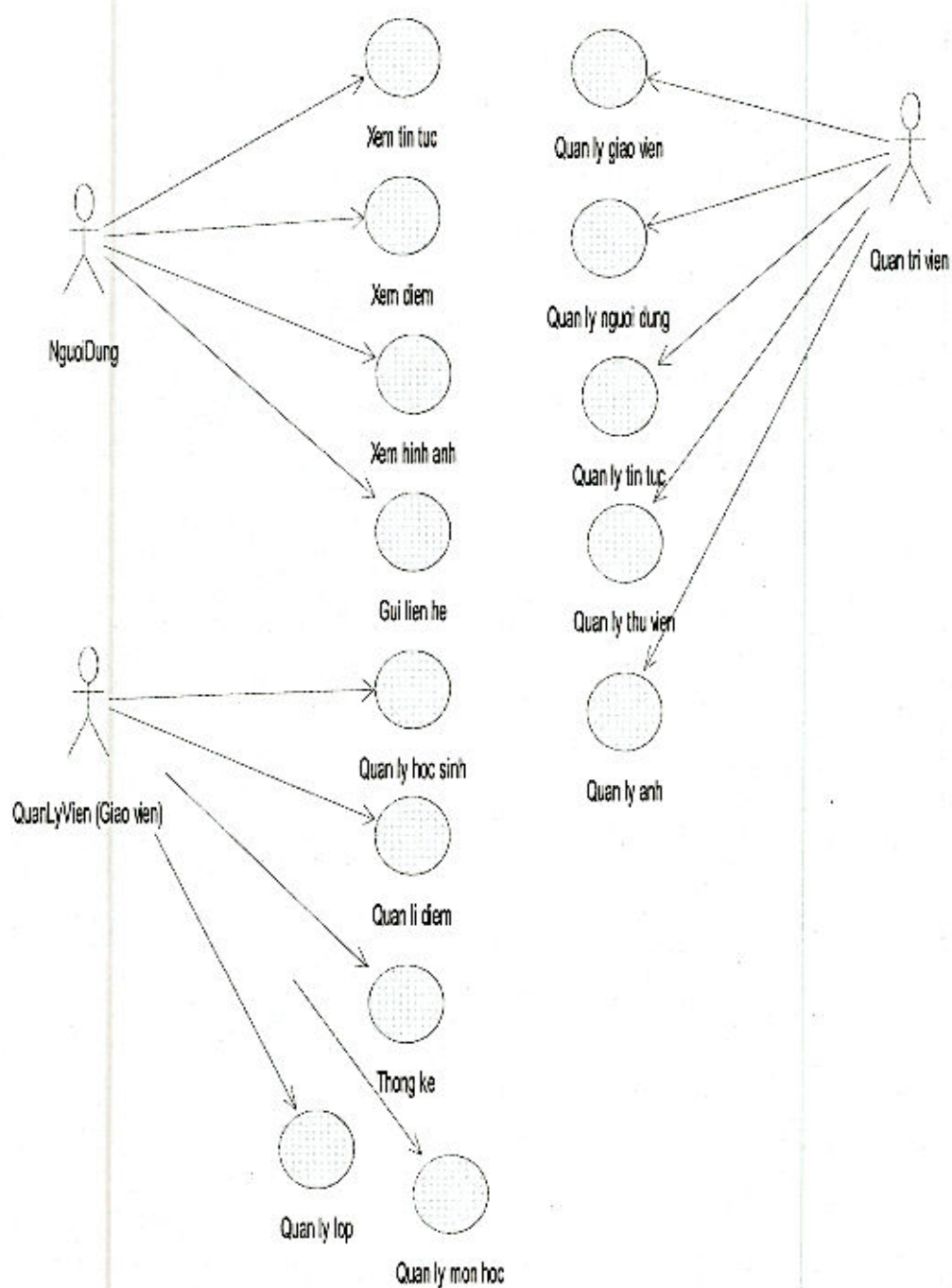
- Quản lý lớp: Chức năng này cho phép việc cập nhật thông tin lớp học như thêm lớp học mới, hoặc xóa bớt lớp học khi đã rời khỏi trường.

- Quản lý giáo viên: Chức năng này cho phép việc cập nhật thông tin giáo viên, quản lý giáo viên theo tổ bộ môn.

- Quản lý tin tức: Chức năng này cho phép việc cập nhật thông tin, thêm, xóa, sửa về các thông báo và tin hoạt động của nhà trường giúp học sinh giáo viên và người dùng hiểu hơn về trường trung học phổ thông Trần Văn Dư.

- Quản lý hình ảnh: Chức năng này cho phép việc cập nhật, thêm, xóa, sửa các hình ảnh tiêu biểu về hoạt động của nhà trường.

2.3.2 Biểu đồ UC:



2.3.3 Đặt tả UC:

❖ Ca sử dụng: Đăng nhập

Tên Use-Case: UC_Đăng nhập	ID: 1	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin, Giáo viên và học sinh	Kiểu Use-Case: Cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin, Giáo viên và học sinh		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc đăng nhập vào hệ thống của Admin , giáo viên và học sinh		
Khởi sự: Admin, Giáo viên và học sinh sau khi đăng nhập vào tài khoản có thể sử dụng chức năng của mình trong hệ thống		
Các mối quan hệ: Kết hợp (Association): Admin, Giáo viên và học sinh. Bao hàm (Include): Kiểm tra thông tin, Tìm kiếm thông tin. Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):		
Các luồng sự kiện thông thường: 1. Admin, Giáo viên và học sinh mở cửa sổ chương trình. 2. Nhập tên đăng nhập và mật khẩu. 3. Hệ thống kiểm tra tài khoản và mật khẩu. 4. Hệ thống cho truy cập vào chức năng của từng tài khoản. 5. Thoát khỏi hệ thống.		
Các luồng sự kiện con: Tại giao diện đăng nhập người dùng không muốn tiếp tục chọn hủy bỏ và kết thúc UC		
Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ: 1. Nếu thông tin đăng nhập không hợp lệ thì hệ thống thông báo yêu cầu người dùng đăng nhập lại. 2. Thoát chương trình.		

❖ **Ca sử dụng: Xem điểm**

Tên Use-Case: UC_Xem điểm	ID: 2	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Học sinh	Kiểu Use-Case: Cần thiết, chi tiết.	
Những người tham gia và quan tâm: Học sinh		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc đăng nhập vào hệ thống và xem điểm của học sinh.		
Khởi sự: Học sinh muốn xem kết quả học tập của mình.		
Các mối quan hệ: Kết hợp (Association): Học sinh. Bao hàm (Include): Tìm kiếm thông tin. Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):		
Các luồng sự kiện thông thường: 1. Học sinh mở cửa sổ chương trình. 2. Trên giao diện hệ thống, học sinh nhập mã học sinh của mình. 3. Hệ thống kiểm tra và trả về kết quả học tập của học sinh đó.		
Các luồng sự kiện con:		
Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ: 1. Hệ thống kiểm tra mã học sinh không chính xác 2. Thông báo lỗi và kết thúc UC		

❖ **Ca sử dụng: Đăng ký**

Tên Use-Case: UC_ Đăng ký	ID: 3	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Khách mới(hoặc học sinh nếu chưa có tài khoản)	Kiểu Use-Case: Chi tiết, cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm:		

Khách mới(hoặc học sinh nếu chưa có tài khoản)
<i>Mô tả vắn tắt:</i> Ca sử dụng mô tả việc đăng ký người sử dụng mới nếu có người sử dụng mới cần tham gia vào hệ thống và gửi yêu cầu đến admin.
<i>Khởi sự:</i> Có người dùng mới tham gia vào hệ thống.
<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): Người dùng. Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> 1. Người dùng mở cửa sổ hệ thống. 2. Tạo người sử dụng mới nếu có. 3. Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. 4. Kết thúc ca sử dụng.
<i>Các luồng sự kiện con:</i>
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> 1. Thoát khỏi chương trình

❖ Ca sử dụng: Quản lý điểm

Tên Use-Case: UC_ Quản lý điểm	ID: 4	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin, Giáo Viên	Kiểu Use-Case: Chi tiết, cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin, Giáo viên		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả vắn tắt việc cập nhật điểm cho học sinh.		
Khởi sự: UC bắt đầu khi giáo viên muốn thêm chỉnh sửa điểm cho học sinh,		

<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): Admin, Giáo viên Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> Thêm mới 1. Giáo viên tiến hành nhập điểm cho học sinh. 2. Hệ thống chờ cho đến khi người dùng nhấn nút lưu thông tin đó. 3. Thông báo thành công. 4. Uc kết thúc. Sửa đổi thông tin : 1. Giáo viên chọn chức năng sửa điểm 2. Chọn tên học sinh, lớp cần sửa điểm. 3. Cập nhật điểm cho học sinh. 4. Lưu vào cơ sở dữ liệu. 5. Uc kết thúc.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> 1. Khi tiến hành sửa điểm cho học sinh, nếu người dùng không muốn tiếp tục, chọn chức năng khác 2. Kết thúc UC
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> 1. Thoát khỏi chương trình

❖ Ca sử dụng: Quản lí người dùng

Tên Use-Case: UC_Quản lí người dùng	ID: 5	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin	Kiểu Use-Case: cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin		

<i>Mô tả vắn tắt:</i> Ca sử dụng mô tả việc xem người dùng, tạo mới và cập nhật người dùng.
<i>Khởi sự:</i> Admin Giáo viên khi mở cửa sổ quản lý người dùng có thể xem và chỉnh sửa người dùng.
<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): Admin Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> 1. Admin mở cửa sổ chương trình. 2. Chọn chức năng quản lý người dùng. 3. Tạo người dùng mới nếu có. 4. Cập nhật nếu sai sót. 5. Xóa đi nếu không cần thiết. 6. Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> 1. Đăng nhập vào chương trình. 2. Kiểm tra thông tin người dùng.
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> 1. Thoát khỏi chương trình

❖ **Ca sử dụng: Quản lý học sinh**

Tên Use-Case: UC_Quản lí học sinh	ID: 7	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin, giáo viên	Kiểu Use-Case: Cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc xem thông tin học sinh, tạo mới và cập nhật thông tin học sinh.		

<i>Khởi sự:</i> Admin khi mở cửa sổ quản lý học sinh có thể xem và chỉnh sửa thông tin học sinh.
<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): Admin Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> - Admin mở cửa sổ chương trình. - Chọn chức năng quản lý học sinh. - Tạo học sinh mới nếu có. - Cập nhập nếu sai sót. - Xóa đi nếu không cần thiết. - Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. - Kết thúc UC.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> - Đăng nhập vào chương trình. - Kiểm tra thông tin học sinh.
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> Thoát khỏi chương trình

❖ Ca sử dụng: Quản lý Giáo viên

Tên Use-Case: UC_Quản lí giáo viên	ID: 8	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin	Kiểu Use-Case: Cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc xem thông tin giáo viên theo tổ bộ môn, tạo mới và cập nhật thông tin giáo viên.		

<i>Khởi sự:</i> Admin khi mở cửa sổ quản lý giáo viên có thể xem và chỉnh sửa thông tin giáo viên.
<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): admin. Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> 1. Admin mở cửa sổ chương trình. 2. Chọn chức năng quản lý giáo viên. 3. Tạo giáo viên mới nếu có. 4. Cập nhật nếu sai sót. 5. Xóa đi nếu không cần thiết. 6. Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. 7. Kết thúc UC.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> 1. Đăng nhập vào chương trình. 2. Kiểm tra thông tin người dùng.
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> 1. Thoát khỏi chương trình

❖ Ca sử dụng: Quản lý lớp học

Tên Use-Case: UC_lớp học	ID: 9	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin	Kiểu Use-Case: Cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc xem thông tin về lớp học, cập nhật các thông tin cần thiết.		
Khởi sự: Admin khi mở cửa sổ quản lý lớp học có thể xem và chỉnh sửa thông tin lớp học.		

<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): Admin Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> - Admin mở cửa sổ chương trình. - Chọn chức năng quản lý lớp học. - Tạo lớp học mới nếu có. - Cập nhập nếu sai sót. - Xóa đi lớp học đã ra trường. - Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> - Đăng nhập vào chương trình. - Kiểm tra thông tin người dùng.
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> Thoát khỏi chương trình

❖ Ca sử dụng: Quản lý thư viện sách

Tên Use-Case: UC_ Quản lí thư viện sách	ID: 10	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin	Kiểu Use-Case: Cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc xem các thông tin về thư viện, các đầu sách trong thư viện.cũng như việc thêm các loại sách mới.		
Khởi sự: Khi có sách được nhập về thư viện hoặc thay đổi thông tin gì trong thư viện.		

<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): admin Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> - Admin mở cửa sổ chương trình. - Chọn chức năng quản lý thư viện. - Tạo sách mới nếu có. - Cập nhập nếu sai sót. - Xóa đi nếu không cần thiết. - Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. - Kết thúc UC.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> - Đăng nhập vào chương trình. - Kiểm tra thông tin người dùng.
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> Thoát khỏi chương trình

❖ Ca sử dụng: Quản lý môn học

Tên Use-Case: UC_ Quản môn học	ID: 11	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin	Kiểu Use-Case: Cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc xem các thông tin về môn học, cập nhật thông tin.		
Khởi sự: Ca sử dụng bắt đầu khi người dùng muốn thêm xóa sửa hay thay đổi thông tin về môn học đó.		

<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): admin Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> 1. Admin mở cửa sổ chương trình. 2. Chọn chức năng quản lý môn học. 3. Tạo môn học mới (nhập các thông tin cần thiết về môn học). 4. Cập nhập nếu sai sót. 5. Xóa đi nếu không cần thiết. 6. Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. 7. Kết thúc UC.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> 1. Đăng nhập vào chương trình. 2. Kiểm tra thông tin người dùng.
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> 1. Thoát khỏi chương trình

❖ Ca sử dụng: Quản lý Tin Tức

Tên Use-Case: UC_ Quản lý Tin Tức	ID: 12	Mức độ quan trọng: Cao
Tức		
Tác nhân chính: Admin	Kiểu Use-Case: Cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc xem tin tức, thêm tin tức mới, sửa, xóa đi các tin tức đã cũ, hoặc sai sót.		
Khởi sự: Ca sử dụng bắt đầu khi người dùng muốn xem tin tức, cập nhật tin tức.		

<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): Admin Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> - Admin mở cửa sổ chương trình. - Chọn chức năng quản lý tin tức. - Tạo tin tức mới (nhập các thông tin cần thiết về tin tức). - Cập nhập nếu sai sót. - Xóa đi nếu không cần thiết. - Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. - Kết thúc UC.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> - Đăng nhập vào chương trình. - Kiểm tra thông tin người dùng.
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> Thoát khỏi chương trình

❖ Ca sử dụng: Quản lý hình ảnh

Tên Use-Case: UC_ Quản lí hình ảnh	ID: 13	Mức độ quan trọng: Cao
Tác nhân chính: Admin	Kiểu Use-Case: Cần thiết	
Những người tham gia và quan tâm: Admin		
Mô tả vắn tắt: Ca sử dụng mô tả việc cập nhật hình ảnh trên trang chủ của web, xem các hình ảnh hoạt động, xóa đi các hình ảnh đã cũ.		
Khởi sự: Ca sử dụng bắt đầu khi người dùng muốn cập nhật hình ảnh trên trang web của mình.		

<i>Các mối quan hệ:</i> Kết hợp (Association): admin Bao hàm (Include): Mở rộng (Extend): Khái quát hóa (Generalization):
<i>Các luồng sự kiện thông thường:</i> 1. Admin mở cửa sổ chương trình. 2. Chọn chức năng quản lý hình ảnh. 3. Cập nhập hình ảnh mới. 4. Xóa đi hình ảnh nếu không cần thiết. 5. Lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. 6. Kết thúc UC.
<i>Các luồng sự kiện con:</i> 1. Đăng nhập vào chương trình. 2. Kiểm tra thông tin người dùng.
<i>Các luồng sự kiện thay thế/ngoại lệ:</i> 1. Thoát khỏi chương trình

2.3. THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.3.1 Thiết kế các lớp:

2.3.1.1 Xác định các lớp thực thể

Giaovien (magiaovien, hogv, tengv, ngay sinh, dia chi, gioi tinh, ma to, chuc vu, mail, trinh do hoc van, hinh anh).

Lop(malop, tenlop, magv, mank).

Nienkhoa(namnk, nambd, namkt).

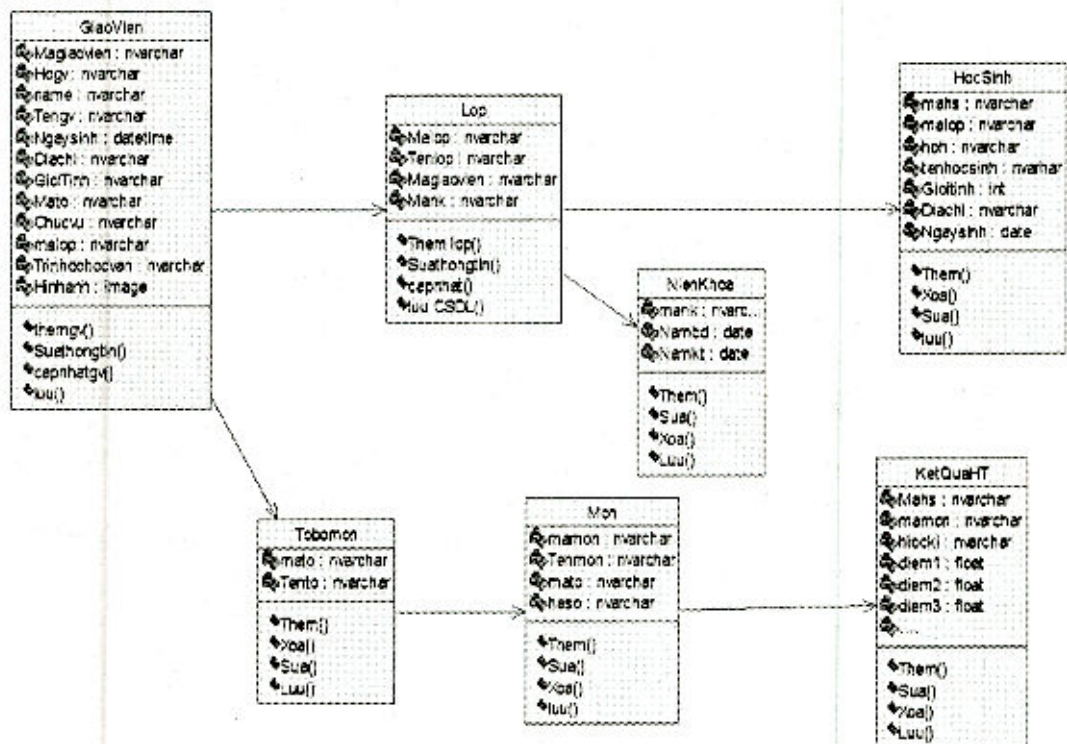
Hocsinh(mahs, malop, hohs,tenhs, gioitinh, diachi, ngay sinh)

Mon(mammon, tenmon, mato, heso)

Tobomon(mato, tento).

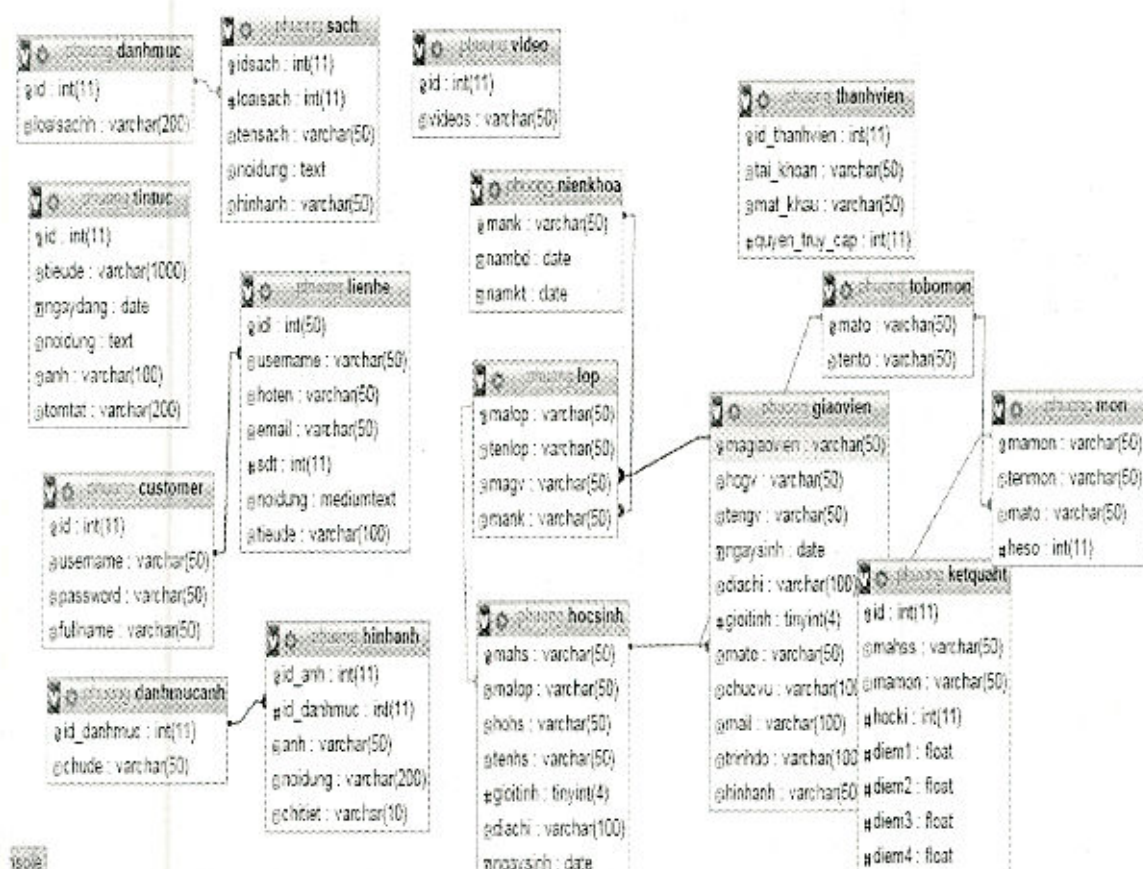
Kequaht(mahs, mammon, hoc ki, diemmieng, diem15phut, diem1tiet, diemthi,diemtb)

2.3.1.2 Biểu đồ lớp:



2.4 MÔ HÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU

2.4.1 Mô hình Cơ sở dữ liệu chính



2.4.2. Một số bảng cơ sở dữ liệu tiêu biểu

- Bảng lớp:

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Malop(khóa chính)	Varchar(50)	Mã lớp
2	Tenlop	Varchar(50)	Tên lớp
3	Magv(khóa ngoại)	Varchar(50)	Mã giáo viên
4	Mank	Varchar(50)	Mã niên khóa

- Bảng giáo viên

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Magv(khóa chính)	Varchar(50)	Mã giáo viên
2	Hogv	Varchar(50)	Họ giáo viên
3	Tengv	Varchar(50)	Tên giáo viên

4	Ngaysinh	date	Ngày sinh
5	Diachi	Varchar(50)	Địa chỉ
6	Gioitinh	Tinyint(2)	Giới tính
7	Chucvu	Varchar(50)	Chức vụ
8	Mail	Varchar(50)	Mail
9	Trinhdo	Varchar(50)	Trình độ học vấn
10	Hinhanh	Varchar(50)	Hình ảnh
11	Mato(khóa ngoại)	Varchar(50)	Mã tổ

- Bảng kết quả học tập

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Id(khóa chính)	int	Số thứ tự
2	Mahs(khóa ngoại)	Varchar(50)	Mã học sinh
3	Mamon(khóa ngoại)	Varchar(50)	Mã môn học
4	Hocki	int	Học kì
5	Diem1	float	Điểm miệng
6	Diem2	float	Điểm 15 phút
7	Diem3	float	Điểm 1 tiết lần 1
8	Diem4	float	Điểm 1 tiết lần 2
9	Diem5	float	Điểm thi
10	Diem6	float	Điểm Trung bình

- Bảng học sinh

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
	Mahs(khóa chính)	Varchar(50)	Mã học sinh
2	Malop(khóa ngoại)	Varchar(50)	Mã lớp
3	Hohs	Varchar(50)	Họ học sinh
4	Tenhs	Varchar(50)	Tên học sinh
5	Gioitinh	Tinyint(2)	Giới tính
6	Diachi	Varchar(50)	Địa chỉ
7	Ngaysinh	date	Ngày sinh

- Bảng niên khóa

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
	Mank(khóa chính)	Varchar(50)	Mã niên khóa
2	Nambt	Date	Năm bắt đầu
3	Namkt	date	Năm kết thúc

- Bảng tổ bộ môn

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
	mato(khóa chính)	Varchar(50)	Mã tổ
2	Tento	Varchar(50)	Tên tổ

- Bảng môn

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Mamon(khóa chính)	Varchar(50)	Mã môn học
2	Tenmon	Varchar(50)	Tên môn học
3	mato(khóa ngoại)	Varchar(50)	Mã tổ
4	Heso	int	Hệ số

- Bảng thành viên:

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Id_thanhvien(khóa chính)	Int(11)	Id của thành viên
2	Tài khoản	Varchar(50)	Tài khoản
3	Mật khẩu	Varchar(50)	Mật khẩu
4	Quyền_truy_cập	int	Quyền truy cập

- Bảng customer

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Id(khóa chính)	Int(11)	Id
2	Username	Varchar(50)	Tài khoản
3	Password	Varchar(50)	Mật khẩu
4	fullname	Varchar(50)	Tên đầy đủ

- Bảng liên hệ:

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
	idl(khóa chính)	int(50)	Mã liên hệ
2	Username	Varchar(50)	Tài khoản
3	Hoten	Varchar(50)	Họ tên
4	Email	Varchar(50)	email
5	Sdt	Int(11)	Số điện thoại
6	Noidung	midiumtext	Nội dung
7	Tieude	Varchar(50)	Tiêu đề

- Bảng danh mục ảnh:

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Id_danhmuc(khóa chính)	Int(11)	Id_danh mục
2	Chude	Varchar(50)	Chủ đề

- Bảng hình ảnh:

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Id_anh(khóa chính)	Int(11)	Id_ảnh
2	Id_danhmuc(khóa ngoại)	Int(11)	Id_danh mục
3	Anh	Varchar(50)	ảnh
4	Noidung	Varchar(200)	Nội dung
5	Chitiet	Varchar(50)	Chi tiết

- Bảng danh mục:

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Id(khóa chính)	Int(11)	Id
2	Loaisachh	Varchar(50)	Loại sách

- Bảng sách:

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Id_sach(khóa chính)	Int(11)	Id_sách
2	loaisach(khóa ngoại)	Int(11)	Loại sách
3	Tensach	Varchar(50)	Tên sách
4	Noidung	Text	Nội dung
5	Hinhanh	Varchar(50)	Hình ảnh

- Bảng tin tức:

STT	Tên Trường	Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả
1	Id(khóa chính)	Int(11)	Id
2	Tieude(khóa ngoại)	Varchar(1000)	Tiêu đề
3	Noidung	Text	Nội dung
4	Ngaydang	date	Ngày đăng
5	Anh	Varchar(100)	ảnh

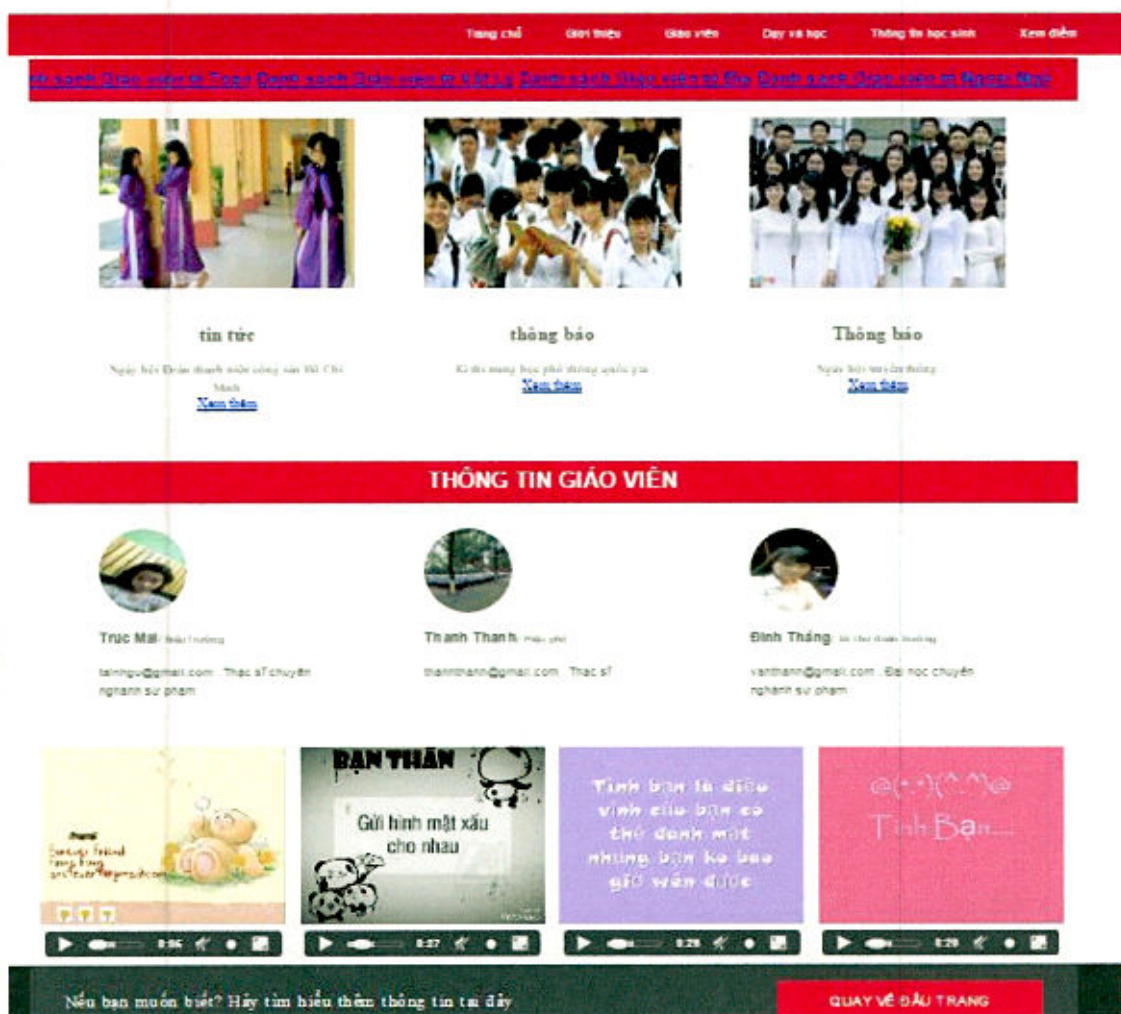
CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ GIAO DIỆN VÀ CHƯƠNG TRÌNH DEMO CHO WEBSITE

3.1. GIAO DIỆN CỦA WEBSITE

3.1.1. Trang chủ:

Mô tả:

Trang chủ là trang giao diện chính của người dùng. Từ trang chủ người dùng lựa chọn các chức năng khác nhau để điều hướng đến những trang khác nhau. Trang chủ bao quát toàn bộ các chức năng website. Ở trang chủ người dùng có quyền xem tất cả các thông tin trong những trang không cần đăng nhập như: tin tức, thư viện, giáo viên, hình ảnh, thông báo, giới thiệu. Và đối với những trang cần đăng nhập thì người dùng phải có tài khoản của mình mới xem được các trang đó.





[Trang chủ](#)
[Giới thiệu](#)
[Thời khóa biểu](#)
[Liên lạc](#)

Chào các bạn đến với trường THPT Trần Văn Dư

THƯ VIỆN SÁCH ĐIỆN CHO BẠN

[Giới thiệu](#)
[Giới thiệu](#)
[Giới thiệu](#)



Hội thơ

[Hội thơ](#)
[Hội thơ](#)



thông báo

[thông báo](#)
[thông báo](#)



Thông báo

[Thông báo](#)
[Thông báo](#)

THÔNG TIN GIÁO VIÊN



Trúc Mai

[trucmai@gmail.com](#)
[Trúc Mai](#)



Thanh Thanh

[thanhthanh@gmail.com](#)
[Thanh Thanh](#)



Đinh Thuồng

[dinhthuung@gmail.com](#)
[Đinh Thuồng](#)



Hãy chọn biểu thức thông tin tại đây

QUẢN LÝ DANH SÁCH

Danh sách:

[Danh sách](#)
[Danh sách](#)

[Danh sách](#)
[Danh sách](#)

Nhà trường

[Nhà trường](#)
[Nhà trường](#)

[Nhà trường](#)
[Nhà trường](#)

[Nhà trường](#)
[Nhà trường](#)

[Nhà trường](#)
[Nhà trường](#)

Mô hình

[Mô hình](#)
[Mô hình](#)

[Mô hình](#)
[Mô hình](#)

[Mô hình](#)
[Mô hình](#)

[Mô hình](#)
[Mô hình](#)

Mục tiêu

[Mục tiêu](#)
[Mục tiêu](#)

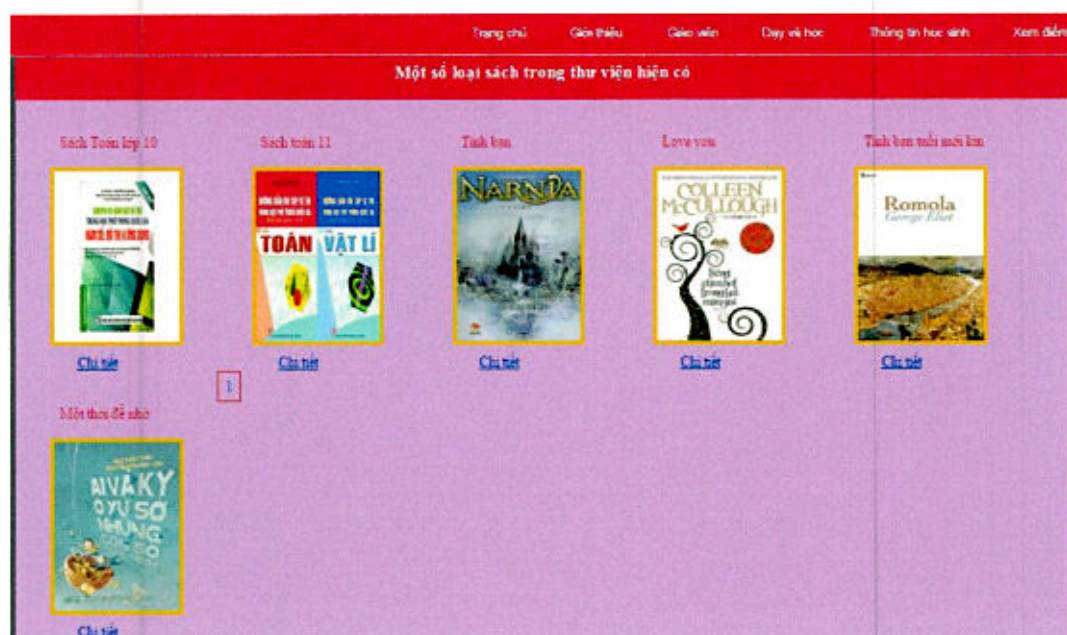
[Mục tiêu](#)
[Mục tiêu](#)

[Mục tiêu](#)
[Mục tiêu](#)

[Mục tiêu](#)
[Mục tiêu](#)

3.1.2. Trang thư viện:

Mô tả: Khi người dùng đang ở trang chủ và chọn mục “sách dành cho bạn” lúc đó trang thư viện sách được mở ra. Trong trang thư viện sách có rất nhiều loại sách hiện nhà trường đang có. Điều đó sẽ giúp học sinh lựa chọn được nhanh các loại sách mà mình muốn mượn về đọc đỡ tốn thời gian để đến thư viện trường tìm loại sách đó cũng như đỡ mất thời gian cho người quản lý thư viện. Đồng thời khi học sinh kích vào chi tiết loại sách mình mượn sẽ có tóm tắt sơ lược về sách đó giúp học sinh xác định kỹ hơn đó có phải là sách mà mình muốn mượn hay không.



3.1.3. Trang hình ảnh:

Mô tả: Khi người dùng ở trang chủ và kích chọn xem trang hình ảnh, trang hình ảnh sẽ được mở ra và người dùng sẽ xem được một số hình ảnh tiêu biểu của nhà trường từ đó sẽ hiểu hơn về trường và các hoạt động phổ biến của nhà trường.

[Trang chủ](#) [Giới thiệu](#) [Giáo viên](#) [Day và học](#) [Thông tin học sinh](#) [Xem điểm](#)

Danh sách hình ảnh trường THPT Trần Văn Dư



Học sinh trong ngày tốt nghiệp



Kì thi tuyển sinh trung học phổ thông quốc gia



Ảnh về học sinh trong ngày hội đến trường



Binh chưng ngày tết



Ngày nhà giáo Việt Nam



Công ơn của thầy cô



Ngày hội học sinh



Quan lưu đối thoại giữa các học sinh



Ngày nhà giáo Việt Nam



Hoạt động cắm trại hè

Nếu bạn muốn biết? Hãy tìm hiểu thêm thông tin tại đây

[QUAY VỀ ĐẦU TRANG](#)

3.1.4. Trang liên hệ:

Mô tả:

Đây là trang cần đến chức năng đăng nhập, muốn liên hệ được với ban giám hiệu nhà trường người dùng phải đăng kí tài khoản thành viên của mình tại trang đăng nhập với các mục như họ, tên đăng nhập, mật khẩu.... Khi có tài khoản thành viên của mình người dùng nhập vào khung tên đăng nhập và mật khẩu của mình ở trang liên hệ để bắt đầu gửi đáp những thắc mắc của mình đến ban giám hiệu trường. Điều này giúp ban giám hiệu dễ quản lí thông tin người gửi đáp thắc mắc và tiến hành giải đáp yêu cầu người dùng một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Trang chủ Giới thiệu Giáo viên Dạy và học Thông tin học sinh Xem điểm

Chào các bạn đến với trường THPT Trần Văn Dư

THƯ VIỆN SÁCH DÀNH CHO BẠN

Hãy đăng nhập bằng tài khoản của bạn để gửi đáp thắc mắc cho chúng tôi

Nếu bạn chưa phải là thành viên hãy đăng kí tại trang đăng nhập.
Xin Cảm ơn

Tên khoản:

Mật khẩu:

Đăng nhập Làm mới

Nếu bạn muốn biết? Hãy tìm hiểu thêm thông tin tại đây

QUAY VỀ ĐẦU TRANG

a chỉ Nhà trường Mở rộng Mục tiêu

3.1.5. Trang xem điểm:

Mô tả:

Từ trang chủ người dùng chọn chức năng xem điểm. Ở trang này người dùng phải nhập đúng mã số học sinh của mình và trang xem điểm sẽ đưa lên điểm số từng môn học của bạn trong học kì.

[Trang chủ](#) [Đăng nhập](#) [Tạo chuyên môn](#) [Dạy và học](#) [Thông tin học sinh](#) [Danh sách điểm](#)

Chào mừng bạn đến với trang xem điểm

Nhập mã số học sinh

Xem điểm

Chào mừng bạn Bùi vinh phúc . Đây là bảng điểm trong quá trình học tập của bạn

Tên môn học	Tên học kì	điểm mong	Điểm 15 phút	Điểm 45 phút lần 1	Điểm 45 phút lần 2	Điểm thu	Điểm trung bình
Công dân	1	6	7	8	9	5	6.89
Quốc phòng	4	6	5	6	2	9	6
Thể dục	1	3	5	7	8	7	6.56
Thể dục	1	3	5	6	7	8	6.44
Hóa học	5	6	8	5	9	8	7.33

3.1.6. Trang xem danh sách giáo viên

Mô tả:

Trang này nhằm mục đích giúp cho người dùng biết được thông tin về giáo viên của nhà trường theo từng tổ bộ môn. Điều này sẽ giúp cho người dùng cùng như phụ huynh học sinh và học sinh biết thông tin của các giáo viên. Và khi người dùng có thắc mắc thì có thể liên hệ với các giáo viên này theo thông tin được đưa lên website.

Chào các bạn đến với trường THPT Trần Văn Dư

THƯ VIỆN SÁCH DÀNH CHO BẠN

[Danh sách Giáo viên tổ văn](#) [Danh sách Giáo viên tổ Toán](#) [Danh sách Giáo viên tổ Vật Lý](#) [Danh sách Giáo viên tổ](#)

DANH SÁCH GIÁO VIÊN TỔ NGOẠI NGỮ



Lê Như Thảo 1990-09-07
noulhao@gmail.com



Nguyễn Thanh Ngân 1995-07-06
lhanhngan@gmail.com



Nguyễn Trúc Mẫn 1990-04-05
thanhnagaan@gmail.com

3.1.7. Trang xem danh sách lớp

Mô tả:

Trang này giúp cho người dùng biết được thông tin danh sách các học sinh có trong lớp và nếu học sinh nhận thấy tên hay ngày sinh của mình bị sai sót thì có thể liên hệ với giáo viên nhà trường để chỉnh sửa. Điều đó sẽ giúp cho giáo viên chủ nhiệm đỡ mất thời gian trong quá trình kiểm tra thông tin của từng học sinh một.



[Danh sách lớp 12B1](#) [Danh sách lớp 10A3](#) [Danh sách lớp 10C2](#) [Danh sách lớp 11A7](#) [Danh sách lớp 10A1](#)

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A3				
Giáo viên chủ nhiệm :				
Mã HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ
HS23	Bùi Thị Bích Hà	nam	2000-09-23	Tam Lộc Phú Ninh Quảng Nam
HS56	Thái Bích Na Vy	nam	2000-05-06	Tam An Phú Ninh Quảng Nam

Nếu bạn muốn biết? Hãy tìm hiểu thêm thông tin tại đây

QUAY VỀ ĐẦU TRANG

3.1.8. Trang tin tức.

Mô tả: Giúp cho người dùng nắm bắt được các thông tin hoạt động của nhà trường và phụ huynh cũng như các em học sinh nắm được các điểm tin chính và quan trọng của trường.

[Trang chủ](#) [Giới thiệu](#) [Tổ chuyên môn](#) [Đội và học](#) [Thông tin học sinh](#) [Xem điểm](#)

Chào các bạn đến với trường THPT Trần Văn Dư

THƯ VIỆN SÁCH DÀNH CHO BẠN

Mời bạn xem tin tức

hoạt động năng lực ý nghĩa quan trọng cho học sinh Hệ thống thông tin đang phát triển với quy mô rộng và chất lượng ngày càng cao. Tin học phát triển thì những ứng dụng của nó được mở rộng ở mức cao hơn, tốt hơn và hiện đại hơn. Nó giúp con người làm việc, học tập, vui chơi và giải trí... Công nghệ thông tin được sử dụng rất nhiều vào các ngành khoa học và kỹ thuật. Một trong những ứng dụng của nó là việc áp dụng vào công tác quản lý các hoạt động đời sống kinh tế xã hội. Thông tin được biểu diễn, lưu trữ dưới dạng thuật toán và chương trình trên một hệ cơ sở dữ liệu đã giúp quản lý đăng ký các công việc liên quan đến công tác quản lý. Do nhu cầu phát triển đất nước, GD & ĐT của nước ta hiện nay không đơn thuần là phúc lợi xã hội mà đã trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, được Đảng và nhà nước coi là quốc sách hàng đầu. Để đảm bảo chất lượng giáo dục mỗi nhà trường phải tổ chức một cơ cấu làm việc nghiêm túc, hiệu quả, ổn định. Và công tác quản lý điểm cũng không nằm ngoài yêu cầu đó. Việc quản lý điểm bao đảm bảo chính xác, an toàn sẽ góp phần đảm bảo quyền lợi của học sinh và công bằng trong học tập, việc tin học hóa công tác quản lý điểm góp phần đăng ký thực hiện mục tiêu đó.



3.1.9. Trang chủ admin quản lý

Mô tả:

Trang chủ là trang giao diện chính của người quản lý. Từ trang chủ người quản trị lựa chọn chức năng đăng nhập và đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản chính xác của mình để mở được trang quản lý và thực hiện được các chức năng trên đó. Trang quản lý bao quát toàn bộ các chức năng của người quản lý trên website. Ở trang chủ quản lý người quản trị có quyền xem sửa và thêm, xóa tất cả các thông tin trong những trang như: Quản lý tin tức, quản lý thư viện, quản lý giáo viên, quản lý hình ảnh, quản lý liên hệ, quản lý điểm, quản lý học sinh, quản lý lớp... Và sau khi thực hiện xong chức năng của mình người quản trị chọn chức năng đăng xuất để đăng xuất khỏi hệ thống và trở về lại trang chủ người dùng.

Đăng nhập và đăng kí

Đăng nhập hệ thống quản trị

Tài khoản

Mật khẩu

QUAY VỀ ĐẦU TRANG

Chào mừng các bạn đến với trang admin trường THPT Trần Văn Dư

DANH SÁCH HỌC SINH TRƯỞNG

Giới thiệu

* Lịch sử hình thành: Trường THPT Trần Văn Dư được thành lập từ năm 2000 với sự đầu tư mới về cơ sở trang thiết bị. Trường nằm trên địa phận xã Tam An huyện Phú Ninh tỉnh Quảng Nam. Năm 2000 trường chỉ có 8 lớp học 15 CBGV- CNV và 400 học sinh với một khối lớp 10 nhưng đến nay trường đã có 34 lớp học với tổng số 80 CBGV- CNV và 1630 học sinh với 3 khối lớp 10,11,12 Cơ sở vật chất của nhà trường: Phòng làm việc : 4 phòng (2 BGH, phòng giáo vụ, phòng tài vụ). Phòng chức năng: 7 phòng (2 phòng máy tính,1 thư viện,y tế,3 thực hành) Khung viên trường trồng nhiều cây xanh, thoáng mát, sạch, đẹp. * Giới thiệu thư viện Trường THPT Trần Văn Dư: Thư viện trường THPT Trần Văn Dư là một hệ thống thư viện trường học được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh trong trường...Được sự quan tâm của nhà trường hiện nay thư viện hoạt động rất tốt và có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển thư viện, nhà trường đã đầu tư trang thiết bị để phát triển thư viện ngày càng tốt hơn phục vụ cho trường đạt hiệu quả hơn. * Vốn tài liệu của thư viện cụ thể như : -Sách giáo khoa: Tổng số bản sách giáo khoa hiện có là: 3431 bản, trong đó: sách giáo khoa lớp 10 có 1340 bản, sách giáo khoa lớp 11 có 1121 bản, sách giáo khoa lớp 12 có 970 bản -Sách nghiệp vụ của giáo viên: Tổng số sách nghiệp vụ hiện có: 2530 bản. Trong đó sách giáo viên lớp 10 có 803 bản, sách giáo viên lớp 11 có 915 bản, sách giáo viên lớp 12 có 812 bản -Ngoài ra tài liệu nghiên cứu của giáo viên: 460 bản - Sách tham khảo: Tổng số sách tham khảo của thư viện là: 6870 bản. Gồm đủ các loại sách tra cứu, tác phẩm văn học... Thuận tiện cho người đọc tìm kiếm theo chủ đề mình muốn tìm Trần Văn Dư hiệu là Hoàn Nhan, sinh ngày 15 tháng 11 năm Kỷ Hợi (31 tháng 12 năm 1839), tại làng An Mỹ Tây, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình (nay là xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam).



3.1.10. Trang quản lý học sinh

Mô tả: Khi người quản trị chọn chức năng xem danh sách học sinh. Trang quản lý học sinh được mở ra, người quản trị có thể xem, xóa, sửa thông tin các học sinh có trong trường cũng như tìm kiếm học sinh một cách nhanh chóng.

Danh sách học sinh trường THPT Trần Văn Dư							
Thêm học sinh mới Tìm kiếm học sinh							
Mã HS	Họ tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Địa chỉ	Sửa	Xóa
HS002	Đoàn Thị Hòa	Lớp 12B1 cơ bản	nữ	2000-08-09	Tam Thành Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS09	Bùi Quang Hà	Lớp 12B1 cơ bản	nữ	1993-12-12	Tam Lộc Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS10	Bùi Vĩnh Phúc	Lớp 12B1 cơ bản	nữ	1990-09-07	Tam Phước Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS11	Lê Thị Mỹ	Lớp 12B1 cơ bản	nữ	1998-05-06	Tam Dân Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS13	Thái Thị Phương	Lớp 12B1 cơ bản	nữ	2000-09-09	Tam Thành Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS21	Bùi Nga Phúc	Lớp 12B1 cơ bản	nữ	2000-04-05	Tam Lộc Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS44	Bùi Thị Xuân	Lớp 12B1 cơ bản	nữ	1999-05-07	Tam Phước Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS45	Lê Thị Na	Lớp 10A1 nâng cao	nam	1889-07-06	Tam Lộc Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS76	Đoàn Lê Nguyên	Lớp 10A1 nâng cao	nam	2000-04-05	Tam Dân Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS23	Bùi Thị Bích Hà	Lớp 10A3 nâng cao	nam	2000-09-23	Tam Lộc Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS56	Thái Bích Na Vy	Lớp 10A3 nâng cao	nam	2000-05-06	Tam An Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa
HS456	Hoa Thị Bông	Lớp 10 C2	nữ	2000-05-06	Tam Phước Phố Ninh Quảng Nam	Sửa	Xóa

3.1.11. Trang thêm danh sách học sinh:

Mô tả:

Khi người quản trị chọn chức năng thêm thông tin học sinh, một bảng được mở ra để người quản trị nhập tên, địa chỉ, lớp của học sinh... và chọn nút thêm thì thông tin của học sinh đã được lưu trong cơ sở dữ liệu và trang này sẽ chuyển hướng người dùng về lại trang quản lý học sinh với các chức năng khác như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm học sinh.

Giáo viên		Quản lý điểm		Quản lý tài liệu		Quản lý môn học	
Thêm thông tin học sinh							
Mã học sinh							
Họ học sinh							
Tên học sinh							
Lớp	---Lựa chọn lớp---						
Ngày sinh							
Địa chỉ							
Giới tính	☐ Nam ☐ Nữ						
Thêm							

3.1.12. Trang sửa thông tin học sinh:

Mô tả: Trang sửa thông tin học sinh là cần thiết, khi người quản trị hoặc giáo viên nhận ra thông tin học sinh bị sai hoặc thiếu sót thì kích vào nút sửa thông tin học sinh và tiến hành sửa thông tin sau đó cập nhật hệ thống sẽ tự động lưu lại thông tin học sinh đó.

Giáo viên		Quản lý điểm		Quản lý tài liệu		Quản lý môn học	
Sửa thông tin học sinh							
Mã học sinh	HS09						
Họ	Bùi						
Tên	quang hà						
Lớp	Lớp 12B1 cơ bản ▾						
Ngày sinh	1993-12-12						
Địa chỉ	Tam lộc Phú Ninh Quảng N						
Giới tính	☒ Nam ☐ Nữ						
Sửa học sinh							

3.1.13. Trang quản lý điểm

Mô tả: Khi người quản trị chọn chức năng quản lý điểm, danh sách điểm học sinh được sỏ xuống. Từ đó người quản trị có quyền thêm điểm, xóa, sửa điểm cho học sinh và hệ thống sẽ được cập nhật lại.

Quản viên Quản điểm Quản lớp học Quản môn học Quản lớp Quản thư viện											
Danh sách điểm (trường THPT Trần Văn Dư)											
Danh sách điểm học sinh Thêm điểm Tìm kiếm											
Tên học sinh	Môn học	Học kỳ	Hệ số	Điểm miệng	Điểm 15'	Điểm 45' lần 1	Điểm 45' lần 2	Điểm thi	Điểm trung bình	Sửa	Xóa
Bùi Vĩnh Phúc	Ngữ Văn	1	2	9	3	4	5	8	6	Sửa	Xóa
Lê Thị Mỹ	Ngữ Văn	4	2	7	8	9	3	7	6.67	Sửa	Xóa
Bùi Thị Nhân	Ngữ Văn	5	2	5	7	3	6	4	4.67	Sửa	Xóa
Lê Thị Mỹ	Ngữ Văn	3	2	5	6	7	5	8	6.56	Sửa	Xóa
Bùi Thị Nhân	Ngữ Văn	1	2	4	6	7	8	9	7.44	Sửa	Xóa
Lê Thị Mỹ	Ngữ Văn	13	2	4	5	7	5	7	6	Sửa	Xóa
Bùi Vĩnh Phúc	Công dân	1	1	6	7	8	9	5	6.89	Sửa	Xóa
Bùi Thị Nhân	Công dân	1	1	3	5	6	6	7	5.89	Sửa	Xóa
Lê Thị Mỹ	Công dân	4	1	6	7	8	9	8	7.89	Sửa	Xóa
Bùi Thị Nhân	Công dân	5	1	7	8	9	7	4	6.56	Sửa	Xóa
Bùi Vĩnh Phúc	Quốc phòng	4	1	6	5	6	6	9	6.89	Sửa	Xóa

3.1.14. Trang sửa điểm

Mô tả: Khi người quản trị muốn sửa điểm học sinh khi có sai sót thì nhấn vào sửa điểm, thông tin về điểm của học sinh được đưa ra, người quản trị tiến hành sửa điểm theo mong muốn của mình và hệ thống sẽ cập nhật điểm lại.

Sửa thông tin điểm cho học sinh	
Họ tên học sinh	Bùi Vĩnh Phúc
Môn học	Ngữ Văn
Học kì	1
Điểm miệng	9
Điểm 15 phút	3
Điểm 45 phút lần 1	4
Điểm 45 phút lần 2	5
Điểm thi học kì	8
Điểm trung bình	6

Sửa điểm

3.1.15. Trang thêm giáo viên:

Mô tả: Đây là trang nằm trong trang quản lý giáo viên, khi người quản trị muốn thêm, sửa, xóa giáo viên.

Giáo viên		Quản lý điểm	Quản lý tổ chức	Quản lý môn học
Mã giáo viên				
Họ giáo viên				
Tên giáo viên				
Tổ bộ môn	---	Lựa chọn tổ bộ môn---		
Ngày sinh				
Địa chỉ				
Giới tính	☐ Nam			
	☒ Nữ			
Chức vụ				
Email				
Trình độ học vấn				
Ảnh mô tả				
Chọn tệp	Không có tệp nào được chọn			
Thêm giáo viên				

3.1.16. Trang quản lí tin tức

Mô tả:

Trang quản lí tin tức giúp người quản trị thêm, sửa, hoặc xóa bảng tin. Khi danh sách tin tức được đưa ra, người quản trị có quyền xóa, sửa, thêm bảng tin mới. Ở đây là trang thêm bảng tin mới.

Thêm một bảng tin mới

Tiêu đề bảng tin

Nội dung bảng tin

Tóm tắt bảng tin

Ngày đăng bảng tin

Ảnh bảng tin

Không có tệp nào được chọn

3.1.17. Trang sửa bảng tin:

Mô tả: Khi bảng tin có sai sót người quản trị tiến hành sửa nội dung bảng tin tại trang quản lí tin tức và nhấp chuột vào trang tin mà mình muốn chỉnh sửa.

Sửa nội dung bảng tin	
Tiêu đề	
tin tức	
Nội dung	
hoạt động mang lại ý nghĩa quan trọng cho học sinh Hệ thống thông tin đang phát triển với quy mô rộng và chất lượng ngày càng cao. Tin học phát triển thì những ứng dụng của nó được mở rộng ở mức cao hơn, tối ưu hơn và hiện đại hơn. Nó giúp con người làm việc, học tập, vui chơi và giải trí. Công nghệ thông tin được sử dụng rất nhiều vào các ngành khoa học và kĩ thuật. Một trong những ứng dụng của nó là việc áp dụng vào công tác quản lý các hoạt động đời sống kinh tế xã hội. Thông tin được biểu diễn, lưu trữ dưới dạng thuật toán và chương trình trên một hệ cơ sở dữ liệu đã giúp quản lý đáng kể các công việc liên quan đến công tác quản lý. Do nhu cầu phát triển đất nước, GD & ĐT của nước ta hiện nay không đơn thuần là phúc lợi xã hội mà đã trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, được Đảng và nhà nước coi là quốc sách hàng đầu. Để đảm bảo chất lượng giáo dục mỗi nhà trường phải tổ chức một cơ cấu làm việc nghiêm túc, hiệu quả, ổn định. Và công tác quản lý điểm cũng không nằm ngoài yêu cầu đó. Việc quản lý điểm bảo đảm chính xác, an toàn sẽ góp phần đảm bảo quyền lợi của học sinh và công bằng trong học tập, việc tin học hóa công tác quản lý điểm góp phần đáng kể thực hiện mục tiêu đó. Chúc các em có một kì thi thật tốt và đầy ý nghĩa.	
Tóm tắt	
Ngày hội Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	

3.1.18. Trang đọc liên hệ của người dùng

Mô tả: Khi người dùng gửi thắc mắc về ban giám hiệu nhà trường. Người quản trị xem được những thắc mắc đó tại trang liên hệ và tiến hành giải quyết thắc mắc cho người dùng.

	Giáo viên	Quản lý điểm	Quản lý tài vụ	Quản lý môn học	Quản lý lớp	Quản lý thư viện
Những thông tin thắc mắc của bạn đọc và học sinh						

Tên đăng nhập	Tên người gửi	Số điện thoại	Email	Tiêu đề	Nội dung	Xóa
phuong	Thái Thị Phương	975975164	thaihuongmm@gmail.com	học sinh	Tôi thấy điểm của tôi tên phương không đúng. Tôi muốn xem có thể xem lại quos tôi	Xóa
phuong	Nguyễn Trúc Như Ý	12345677	nhuy@gmail.com	Bổ sung tên học sinh	Em thắc mắc về tên của mình trong danh sách. Em tên là Phương chứ không phải Phương	Xóa
phuong	rfg	123	ggh	344	sdfg	Xóa

Nếu bạn muốn biết? Hãy tìm hiểu thêm thông tin tại đây			QUAY VỀ ĐẦU TRANG
Địa chỉ:	Nhà trường	Mở rộng	Mục tiêu

3.2 HƯỚNG DẪN QUẢN TRỊ WEBSITE

3.2.1 . Sự cần thiết Quản trị nội dung:

- Cũng giống như xây dựng một ngôi nhà, khi thiết lập xong một website, bạn mới hoàn thành phần thể xác. Muốn website sống động, cuốn hút độc giả, bạn phải phát triển nội dung, là phần linh hồn của web.

- Bỏ ra một ít chi phí, bạn đã hoàn thành phần khung của website. Nhưng để hoàn thiện nó, bắt nó phát huy tác dụng, đem lại ý nghĩa đích thực cho bạn, đối tác và độc giả của bạn, bạn sẽ tốn nhiều công sức và chi phí hơn rất nhiều.

- Nếu bạn không có nguồn lực chăm sóc, duy trì và phát triển nó, tốt nhất bạn đừng xây dựng nó. Điều đó giống như bạn sinh ra con rồi bỏ rơi nó, nó trở nên một cái xác không có linh hồn.

- Nói vậy, để chúng ta cùng thấy tầm quan trọng của việc phát triển nội dung.

3.2.2 Hướng dẫn quản trị

Người quản trị Website phải có tài khoản đăng nhập của mình và tiến hành đăng nhập để tham gia vào quá trình quản lý website.

Đây là tài liệu dành cho người quản trị nội dung website trường học. Các chức năng trên hệ thống bao gồm: Tạo mới và thay đổi nội dung của bài viết, album ảnh, thời khoá biểu hoặc danh sách tài liệu tham khảo, thông tin giáo viên, thông tin học sinh, thông tin điểm...

- Cấu hình, tùy biến hiển thị cho website
- Quản lý thành viên
- Bài viết, tin tức, thông báo
- Tạo bài viết mới
- Sửa bài viết
- Gỡ bài viết
- Album ảnh
- Tạo mới album ảnh
- Thay đổi thứ tự hiển thị ảnh trong album
- Thời khoá biểu
- Đăng Thời khoá biểu mới
- Chỉnh sửa và xóa Thời khoá biểu
- Tài liệu tham khảo (Thư viện)
- Thêm Tài liệu tham khảo
- Gỡ tài liệu tham khảo
- Thay đổi thông tin Giới thiệu
- Thay đổi thông tin Liên hệ
- Thay đổi, chỉnh sửa thông tin giáo viên...

PHẦN 3: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. KẾT LUẬN

3.1.1 Một số vấn đề đạt được:

Website thực hiện được một số chức năng sau.

- Giao diện: Quen thuộc dễ sử dụng, mang phong cách hiện đại, mới mẻ bắt - mắt người dùng.
- Người dùng: Thực hiện được một số chức năng cơ bản trên website như - hoạt động của nhà trường, danh sách các giáo viên, thời khóa biểu, danh sách các học sinh. Và có thể đăng kí thành viên để gửi những thắc mắc của mình đến ban giám hiệu nhà trường.
- Học sinh: Có thể xem điểm của mình và thực hiện các chức năng khác như người dùng.
- Giáo viên: Có quyền được vào trang quản trị nhập điểm, danh sách học sinh, thêm, sửa, xóa học sinh và thực hiện các chức năng khác như người dùng bình thường.
- Quản trị viên: Người quản trị toàn trang web có chức năng thêm, sửa xóa thành viên, tin tức, giáo viên, lớp học, môn học... và thực hiện được các chức năng khác như người dùng bình thường.

3.1.2 Nhược điểm của hệ thống:

- Bên cạnh những chức năng đạt được hệ thống vẫn còn một số nhược điểm sau:
- Website còn chưa đáp ứng được một số chức năng cho người dùng.
- Chưa thống kê được danh sách điểm học sinh theo từng khối lớp và theo từng học kỳ.

3.1.2 Hướng phát triển

- Xây dựng website thật hoàn chỉnh với đầy đủ chức năng cho người dùng.
- Đem lại một giao diện mới mẻ và dễ sử dụng hơn cho người dùng và người quản trị.
- Xây dựng hệ thống quản lý học sinh khoa học hơn.

- Hệ thống có tính bảo mật cao hơn.

3.2 KIẾN NGHỊ

Do kiến thức còn hạn chế và thời gian xây dựng hệ thống không nhiều nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, mong nhận được sự đóng góp của quý thầy cô để hệ thống hoàn thiện hơn.

Hệ thống chỉ mới được xây dựng trên cơ sở lí thuyết, trong thời gian tới sẽ được đưa vào sử dụng thử và các chức năng của hệ thống ngày càng hoàn thiện hơn.

PHẦN 5.TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Th S.Trần Thị Diệu Hiền, *Bài giảng phân tích và thiết kế hướng đối tượng với uml*.
- [2] TS. Chu Văn Hành, *Giáo trình thiết kế Web*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
- [3] <http://esvn.com.vn/292/hoc-thiet-ke-website/Giao-trinh-thiet-ke-website-bang-CSS.html>
- [4] <http://www.w3schools.com>.